TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1063/2024/HS-PT
Ngày: 15 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 01, 08 và 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 475/2023/TLPT- HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo Đinh Văn H, Vũ Văn T, Võ Văn Đ, Võ Hoài Đ1, Cao Đăng M, Mai Đức T1, Dương Quốc H1, Đinh Quang T2, Trần Đình H2, Trần Tấn L, Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P, Nguyễn Đình T4, Phạm T5, Lê Văn T6, Dương Mạnh L1, Trịnh Hoàng P1 do kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân hành phố H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 247/2023/HSST ngày 27/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Đinh Văn H; giới tính: nam; sinh ngày 11 tháng 4 năm 1985, tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: 8 đường số A, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần G2; con ông: Đinh Văn H3 (sinh năm: 1959) và bà: Đỗ Thị N (sinh năm 1960); vợ: Nguyễn Thị H4 (sinh năm 1987) và có 02 người con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2022 - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn H:* Luật sư Đặng Trần T7, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Vũ Văn T; giới tính: nam; sinh ngày 29 tháng 11 năm 1984, tại tỉnh Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 188/8 L, phường B, quận B,

Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông: Vũ Hòa Q (sinh năm: 1952) và bà: Nguyễn Thị T8 (sinh năm 1955); vợ: Nguyễn Thị L2 (sinh năm 1988, đã ly hôn) và có 02 người con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T:* Luật sư Cao Nhật A và luật sư Nguyễn Thị B, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. LS Anh xin xét xử vắng mặt có gửi bài bào chữa; luật sư B có mặt.

Võ Văn Đ; giới tính: nam; sinh ngày 25 tháng 3 năm 1967, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 02 cư xá B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Đảng phái: Đảng viên Đ9 (đã bị khai trừ Đảng ngày 21/9/2022); trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ Công an nhân dân; con ông: Võ Văn Đ2 (sinh năm: 1919) và bà: Nguyễn Thị M1 (sinh năm 1930); vợ: Nguyễn Thị Thanh T9 (sinh năm 1971) và có 02 người con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2022- có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn Đ:* Luật sư Nguyễn Hồng N1 và luật sư Nguyễn Chí T10, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Võ Hoài Đ1; giới tính: nam; sinh ngày 12 tháng 9 năm 1995, tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 449 T, T, T, Đồng Tháp; Chỗ ở: 32/53/3 Khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Giám định viên; con ông: Võ Tấn T11 (sinh năm: 1972) và bà: Đặng Thị T12 (sinh năm 1971); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Hoài Đ1:* Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Cao Đăng M; giới tính: nam; sinh ngày 20 tháng 9 năm 1992, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ D, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Giám định viên; con ông: Cao Văn Đ3 (sinh năm: 1960) và bà: Nguyễn Thị S (sinh năm 1970); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cao Đăng M:* Luật sư Hồ Hoài N2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Mai Đức T1; giới tính: nam; sinh ngày 12 tháng 6 năm 1994, tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C19.03 chung cư N, F K, phường A, quận B, Thành phố. Hồ Chí M2; Chỗ ở: C chung cư N, F K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Giám định viên; con ông: Mai Văn T13 (sinh năm: 1966) và bà: Trần Thị Như H5 (sinh năm 1965); vợ: Đặng Thị Mỹ D1 (sinh năm

1994) và có 01 người con (sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Mai Đức T1:* Luật sư Lưu Phương Nhật T14 và Luật sư Bùi Vũ D2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Dương Quốc H1; giới tính: nam; sinh ngày 18 tháng 10 năm 1995, tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 663 ấp T, xã T, huyện C, Bến Tre; Chỗ ở: Tổ B, KP2, đường B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Giám định viên; con ông: Dương Văn V (sinh năm: 1969) và bà: Huỳnh Thị Ngọc P2 (sinh năm 1969); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Quốc H1:* Luật sư Nguyễn Hồng N1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Đinh Quang T2; giới tính: nam; sinh ngày 30 tháng 5 năm 1992, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Giám định viên; con ông: Đinh Chí V1 (sinh năm: 1949) và bà: Nguyễn Thị X (sinh năm 1951); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Quang T2 do Tòa án chỉ định:* Luật sư Trịnh Bá T15, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Trần Đình H2; giới tính: nam; sinh ngày 01 tháng 4 năm 1996, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Ấp E, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Giám định viên; con ông: Trần Đình T16 (sinh năm: 1955) và bà: Lê Thị T17 (sinh năm 1965); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Trần Đình H2:* Luật sư Trần Thị Hồng V2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Dương Mạnh L1; giới tính: nam; sinh ngày 18 tháng 4 năm 1989, tại tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 71/45/46 Đ, thị trấn N, Huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: C chung cư E, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Trưởng Phòng, Công ty cổ phần G2; con ông: Dương Văn H6 (sinh năm: 1959) và bà: Vũ Thị H7 (sinh năm 1970); vợ: Trần Thị Như H5 (sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2022 - có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Dương Mạnh L1:* Luật sư Trần Thị Hồng V2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Trần Tấn L; giới tính: nam; sinh ngày 24 tháng 5 năm 1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: G Cầu Ô, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: A C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí

Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Giám định viên; con ông: Trần Văn R (sinh năm: 1954) và bà: Lâm Thị K (sinh năm 1959); vợ: Đoàn Thị Thu H8 (sinh năm 1994) và có 01 người con (sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Tấn L:* Luật sư Nguyễn Văn T18, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H Có mặt.

Nguyễn Mạnh T3; giới tính: nam; sinh ngày 10 tháng 01 năm 1975, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: D đường số C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông: Nguyễn Hùng V3 (sinh năm: 1934) và bà: Trương Thị H9 (sinh năm 1942); vợ: Vũ Thị Hồng Q1 (sinh năm 1980) và có 02 người con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2022 đến ngày 27/5/2023 được trả tự do tại phiên tòa - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh T3:* Luật sư Nguyễn Gia H10, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Nguyễn Thị Mai P; giới tính: nữ; sinh ngày 08 tháng 03 năm 1973, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 201 đường B, khu phố E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: A đường A, khu phố C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông: Nguyễn Hùng V3 (sinh năm 1934) và bà: Trương Thị H9 (sinh năm 1942); chồng: Nguyễn Văn C (sinh năm: 1971) và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2022 đến ngày 27/5/2023 được trả tự do tại phiên tòa - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Mai P:* Luật sư Trần Thanh C1 và luật sư Nguyễn Hồng N1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. LS C1 vắng mặt; LS N1 có mặt.

Nguyễn Đình T4; giới tính: nam; sinh ngày 01 tháng 10 năm 1968, tại tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn T, xã A (nay là xã A), huyện T, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông: Nguyễn Đình Ý (sinh năm: 1932) và bà: Phạm Thị L3 (sinh năm 1931); vợ: Phạm Thị Ngọc O (sinh năm 1969) và có 02 người con (lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2022 đến ngày 27/5/2023 được trả tự do tại phiên tòa - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình T4:* Luật sư Nguyễn Thị B, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Phạm Toàn; giới tính: nam; sinh ngày 26 tháng 7 năm 1982, tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 43/14/9 T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: C đường A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12;

nghề nghiệp: kinh doanh; con ông: Phạm D3 (sinh năm: 1955) và bà: Lê Thị T19 (sinh năm 1962); vợ: Đặng Thị Tuyết N3 (sinh năm 1983) và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2022 đến ngày 27/5/2023 được trả tự do tại phiên tòa - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm T5:* Luật sư Nguyễn Thị B, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Lê Văn T6; giới tính: nam; sinh ngày 19 tháng 11 năm 1984, tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P, P, C, Đồng Tháp; chỗ ở: H Quốc lộ A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông: Lê Thành P3 (sinh năm: 1951) và bà: Lê Thị T20 (sinh năm 1951); vợ: Nguyễn Thị Thanh T21 (sinh năm 1983) và có 02 người con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T6:* Luật sư Nguyễn Văn T18, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Trịnh Hoàng P1; giới tính: nam; sinh ngày 29 tháng 10 năm 1998, tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; Chỗ ở:1 P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Giám định viên; con ông: Trịnh Ngọc A1 (sinh năm: 1967) và bà: Phan Thị T22 (sinh năm 1968); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Hoàng P1:* Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo khác không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Duy T23 (là Cán bộ thuộc Đội 7, Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an Thành phố H) có quen biết với một số cá nhân là chủ cơ sở kinh doanh máy móc, thiết bị cũ (gọi tắt là chủ hàng) và biết những người này có nhu cầu tìm người có khả năng nhập khẩu máy móc thiết bị cũ về tiêu thụ trong nước kiếm lời. T23 am hiểu các quy định về hải quan và biết được Quyết định số 18/2019/QĐ/TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ (viết tắt là Quyết định số 18), cho nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ phục vụ sản xuất của chính doanh nghiệp nhập khẩu hàng. Hoàng Duy T23 đã thỏa thuận với các chủ hàng, thông qua các doanh nghiệp do T23 thành lập, để nhập khẩu máy móc thiết bị đã qua sử dụng bằng hình thức kê khai gian dối là hàng nhập khẩu, sau đó T23 sẽ giao hàng lại cho các chủ hàng

tiêu thụ. Chi phí các chủ hàng phải trả cho T23 theo hình thức khoán gọn trọn gói là từ 78.000.000 đồng – 90.000.000 đồng/container hàng hóa tùy theo thời điểm (trong đó T23 sẽ chịu toàn bộ chi phí đóng thuế, trả tiền vận chuyển hàng về kho, chi phí trả cho công ty giám định, chi phí cho cán bộ kiểm hóa của Hải quan,…).

Để phục vụ cho hoạt động nhập lậu hàng hóa của mình, Hoàng Duy T23 đã thuê một số người giúp T23 trong các công việc: làm thủ tục thành lập các công ty, làm hồ sơ nhập khẩu, làm thủ tục hải quan, giao dịch thanh toán chi phí cho các hoạt động liên quan,… . Lợi dụng quy định về điều kiện nhập khẩu là hàng hóa cũ được sản xuất không quá 10 năm tại Quyết định 18, Hoàng Duy T23 chỉ đạo các nhân viên khi làm hồ sơ hải quan nhập khẩu chỉnh sửa năm sản xuất của hàng hóa trên hồ sơ đều dưới 10 năm tại thời điểm nhập, để đủ điều kiện nhập. Đồng thời để giảm chi phí đóng thuế nhập khẩu, T23 chỉ đạo khai trị giá hàng hóa nhập khẩu thấp hơn so với giá trị thật. Ngoài ra, theo quy định doanh nghiệp nhập hàng, được mang hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị đã qua sử dụng về kho bảo quản chờ kết quả giám định đủ điều kiện mới cấp thủ tục thông quan nên T23 chỉ đạo nhân viên sau khi nhận hàng ở cảng thì thuê phương tiện vận chuyển hàng hóa giao cho các chủ hàng (người đã thuê T23 nhập hàng) để tiêu thụ ngay mà không chờ giám định. Để hợp thức hóa hồ sơ hàng hóa nhập khẩu về giám định hàng hóa, Hoàng Duy T23 đã thỏa thuận với Đinh Văn H – Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần G2 để được cấp chứng thư giám định cho các container hàng hóa do T23 nhập khẩu với giá là 2.800.000 đồng – 3.200.000 đồng/01 chứng thư tùy theo thời điểm nhập hàng. Theo thỏa thuận giám định hàng hóa với Hoàng Duy T23, Đinh Văn H đã chỉ đạo cho cấp dưới tại Công ty Cổ phần G2 căn cứ vào danh sách hàng hóa do các Công ty của T23 cung cấp để giám định lập thủ tục giám định và cấp chứng thư giám định hàng hóa cho T23 mà không căn cứ vào thực tế hàng hóa được kiểm tra tại hiện trường cần giám định.

Ngày 24/5/2021, Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an Thành phố H phối hợp với Chi cục Hải quan C5 khu vực I, tổ chức dừng thủ tục thông quan hàng hóa 07 container hàng hóa của các Công ty Đ10, Hoàng K1, Gia Cát T24 (đều do T23 lập ra) để kiểm tra và phát hiện vi phạm pháp luật. Các công ty đăng ký mở 07 tờ khai Hải quan, làm thủ tục nhập khẩu trái phép một lượng lớn hàng hóa là máy móc, thiết bị cũ khai báo mục đích là sử dụng sản xuất cho doanh nghiệp nhập khẩu nhưng thực tế không đúng, vi phạm Quyết định số 18. Toàn bộ số hàng hóa này T23 nhập về để giao lại cho các chủ hàng, người liên quan chủ hàng gồm: Vũ Văn T, Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P, Phạm T5, Nguyễn Đình T4, Lê Văn T6 để tiêu thụ tại thị trường Việt nam nên lập biên bản ghi nhận sự việc và tạm giữ toàn bộ hàng hóa tang vật, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Kết quả điều tra xác định:

- Xác minh, thu thập hồ sơ về việc thành lập công ty tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H: 47 công ty (gồm: Công ty TNHH T43, Công ty TNHH D6, Công ty TNHH D6, Công ty TNHH D6, Công ty TNHH C6, Công ty TNHH T44, Công ty TNHH C7, Công ty TNHH C8, Công ty TNHH C7, Công ty TNHH C9, Công ty TNHH T45, Công ty TNHH T44, Công ty TNHH S1, Công ty TNHH C8, Công ty TNHH S2, Công ty TNHH C6, Công ty TNHH C10, Công ty TNHH C11, Công

ty TNHH S3, Công ty TNHH T46, Công ty TNHH T44, Công ty TNHH S4, Công ty TNHH S5, Công ty TNHH C11, Công ty TNHH C12, Công ty TNHH S6, Công ty TNHH C13, Công ty TNHH D7, Công ty TNHH C14, Công ty TNHH C15, Công ty TNHH C13, Công ty TNHH S7, Công ty TNHH T44, Công ty TNHH C16, Công ty TNHH C17, Công ty TNHH D8, Công ty TNHH T44, Công ty TNHH C13, Công ty TNHH C11, Công ty TNHH P4, Công ty TNHH S7, Công ty TNHH G3, Công ty TNHH C13, Công ty TNHH C7, Công ty TNHH Đ10, Công ty TNHH C18, Công ty TNHH C19 (kèm theo phụ lục chi tiết). Các Công ty này do 15 cá nhân đứng tên gồm: Lê Trần Viết L4, Huỳnh Thị Quỳnh T25, Lê Bá Minh H11 (là chồng của Huỳnh Thị Quỳnh T25, Huỳnh Thị Quỳnh T26 (là em của Huỳnh Thị Quỳnh T25, Nguyễn Thanh G, Phạm Văn C2 (là em họ của Hoàng Duy T23, Lê Tiến B1, Lê Văn T27, Lê Văn T28, Trần Thị Tuyết T29, Dương Đình T30, Lâm Hồng Đ4 (là bạn của Hoàng Duy T23), Lâm Hồng Đ5 (là mẹ của Lâm Hồng Đ4), Trần Ngọc C3 (là em của Lâm Hồng Đ4), Nguyễn Thị Thanh T9 (là người quen của Lâm Hồng Đ4).

- Xác minh tại địa chỉ đăng ký hoạt động trên giấy phép kinh doanh của 47 công ty của Hoàng Duy T23 thành lập: Kết quả tại các địa chỉ đăng ký trên giấy phép kinh doanh, không có công ty nào thực tế có hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Xác minh tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C5 khu vực I, Thành phố Hồ Chí Minh được biết: Công ty TNHH C18 và công ty TNHH C19 chưa đăng ký tờ khai nhập khẩu;

- Tiến hành giám định 07 container hàng được tạm giữ, tại Trung tâm K4, kết quả: hàng hóa trong cả 07 container đều không thuộc phạm vi điều chỉnh, tuổi thiết bị không phù hợp với quy định của Quyết định số 18 hoặc không xác định được tuổi thiết bị; không đủ cơ sở thông tin để xác định sự phù hợp với các yêu cầu về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường theo quy định của Quyết định số 18.

- Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến ngày 24/5/2021, Hoàng Duy T23 và đồng phạm đã thành lập tổng cộng 47 công ty, sử dụng tư cách pháp nhân của 45/47 công ty (với thủ đoạn mỗi công ty sử dụng pháp nhân nhập khoảng vài chục container hàng, sau đó thì bỏ công ty cũ, thành lập công ty mới để tránh bị phát hiện), mở **1.153** bộ tờ khai hải quan, nhập lậu **1.287** container hàng có tổng trị giá là **217.632.496.371 đồng** (trong đó có **07** container hàng hóa bị phát hiện quả tang vào ngày 24/5/2021 có tổng trị giá là **6.193.571.000** đồng).

- Tiến hành trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự cấp Thành phố định giá trị giá tài sản hàng hóa nhập khẩu, kết quả:

+ Kết luận định giá số 4830/KL-HĐĐGTS ngày 22/7/2022, kết luận trị giá hàng hóa theo từng bộ tờ khai hải quan, tổng cộng **1.146** bộ tờ khai hải quan có tổng trị giá tài sản hàng hóa là **211.438.925.371** đồng.

+ Kết luận định giá tài sản đối với **07** container hàng hóa thu giữ vào thời điểm 24/5/2021 có tổng trị giá là **6.193.571.000** đồng.

Trên cơ sở phương thức, thủ đoạn hoạt động phạm tội như trên của Hoàng Duy T23 và đồng phạm đã thực hiện theo các nhóm hành vi cụ thể sau:

1. Nhóm hành vi liên quan việc thành lập các công ty, làm thủ tục nhập

lậu hàng hóa của Hoàng Duy T23 và các nhân viên (gồm: **Huỳnh Thị Quỳnh T25, Phan Minh T31, Nguyễn Bảo C4, Nguyễn Thanh B2, Trần Hoàng L5, Nguyễn Trung T32, Lâm Hồng Đ4):**

Khoảng tháng 8/2019, Hoàng Duy T23 thuê Lê Trần Viết L4 (hiện bỏ đi khỏi nơi cư trú) giúp T23 điều hành các hoạt động thành lập các công ty, làm hồ sơ nhập khẩu, thanh toán tiền thuế, thanh toán chi phí vận chuyển hàng từ nước ngoài về Việt Nam, cắt/niêm seal hải quan,… đối với số hàng hóa là máy móc thiết bị cũ được nhập khẩu về Việt Nam để giao cho các chủ hàng. L4 thuê Huỳnh Thị Quỳnh T25, Phan Minh T31, Nguyễn Bảo C4 để phụ giúp L4. Tuy nhiên, sau đó giữa Hoàng Duy T23 và Lê Trần Viết L4 xảy ra mâu thuẫn nên khoảng đầu năm 2020 L4 nghỉ việc.

Lúc này, Hoàng Duy T23 đã trực tiếp điều hành các hoạt động nhập khẩu hàng hóa thuê cho chủ hàng với thủ đoạn như trên. Ngoài T25, T31, C4 tiếp tục làm việc, Hoàng Duy T23 còn thuê thêm Nguyễn Thanh B2, Trần Hoàng L5, Nguyễn Trung T32, Nguyễn Thị Anh T33 làm việc cho T23.

Các nhân viên do T23 thuê làm việc, mỗi người được T23 trực tiếp phân công công việc cụ thể như sau:

- **Huỳnh Thị Quỳnh T25**: Theo chỉ đạo của Hoàng Duy T23, trong việc thành lập các Công ty để phục vụ cho hoạt động buôn lậu, T23 giao cho Huỳnh Thị Quỳnh T25 các Chứng minh nhân dân có tên Lâm Hồng Đ4, Lâm Hồng Đ5, Trần Ngọc C3, Nguyễn Thị Thanh T9 để đứng tên làm chủ các Công ty. T25 tiến hành làm thủ tục thành lập nhiều công ty khác nhau (thực tế các công ty này đều không có nhà xưởng, không hoạt động sản xuất, kinh doanh, không sử dụng bất cứ máy móc, thiết bị cũ nào đã nhập khẩu) và T23 đã sử dụng pháp nhân các Công ty để phục vụ hoạt động buôn lậu. T25 được nhận chi phí để xin thành lập mỗi Công ty từ 5.000.000 đồng – 7.000.000 đồng (bao gồm các chi phí theo quy định), tại phiên tòa T25 xác định được hưởng khoảng từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng khi lập thủ tục thành lập Công ty cho T23 nhưng không xác định được chính xác số tiền đã hưởng lợi. Ngoài ra, Huỳnh Thị Quỳnh T25 còn sử dụng CMND người thân của T25 là Lê Bá Minh H11 (chồng của T25), Huỳnh Thị Quỳnh T26 (em của T25) để thành lập các công ty cho Hoàng Duy T23. Về Thông tin doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở, ngành nghề kinh doanh của các công ty thành lập, T25 đăng ký theo yêu cầu của Hoàng Duy T23. Sau khi các công ty thành lập xong, T25 đưa Giấy phép đăng ký kinh doanh cho Hoàng Duy T23 và đưa các con dấu (dấu công ty, dấu tên, dấu chữ ký của người đại diện) cho Nguyễn Bảo C4 quản lý theo yêu cầu của T23.

Đến khoảng đầu tháng 3/2020, Huỳnh Thị Quỳnh T25 được Hoàng Duy T23 giao làm hồ sơ hải quan nhập khẩu hàng và được trả công 15.000.000 đồng/tháng, công việc cụ thể được giao gồm: Hoàng Duy T23 gửi hợp đồng thương mại gốc (S), vận đơn (Bill tàu) và hóa đơn thương mại gốc (Invoice) của hàng hóa theo từng container hàng cho T25 qua ứng dụng Viber trên điện thoại di động và chỉ đạo T25 lập giả hồ sơ nhập khẩu hàng hóa theo cách thức: Dựa trên hợp đồng thương mại, bill tàu, Invoice gốc T23 đã gửi, T25 lập lại Hợp đồng thương mại, lập lại Invoice mới, nhưng giảm giá hàng hóa xuống theo khung giá T23 đặt ra, để đảm bảo việc chỉ đóng thuế nhập khẩu dưới 15.000.000 đồng/container hàng;

lập Giấy đăng ký giám định hàng hóa theo Invoice (đã lập lại và chỉnh sửa ghi năm sản xuất của máy móc thiết bị cũ nhập về là từ năm 2014 – 2015) để đảm bảo điều kiện hàng hóa được sản xuất dưới 10 năm; thảo Văn bản đề nghị đưa hàng hóa về kho bảo quản để chờ giám định,... . Theo yêu cầu của T23, sau khi lập xong những giấy tờ, chứng từ trên, T25 gửi cho Nguyễn Bảo C4, Phan Minh T31 qua email để Châu in ra thành 02 bộ hồ sơ và C4, T31 thực hiện các công việc tiếp theo, theo chỉ đạo của Hoàng Duy T23. Liên quan đến số hàng hóa bị phát hiện quả tang thì từ ngày 21/5/2021 đến ngày 23/5/2021, theo chỉ đạo của T23, T25 đã làm 09 hồ sơ nhập khẩu cho 09 container hàng máy móc thiết bị cũ và gửi cho C4, T31. Trong đó có 07 container hàng hóa bị tạm giữ ngày 24/5/2021 đã được mở tờ khai hải quan nhập khẩu và đang làm thủ tục nhập khẩu, thông quan hàng hóa vào Việt Nam) thì bị phát hiện.

Kết qua điều tra xác định trong khoảng thời gian từ tháng 3/2021 đến ngày 24/5/2021, Huỳnh Thị Quỳnh T25 đã có hành vi giúp sức cho Hoàng Duy T23 trong việc nhập lậu **1.056** container hàng hóa máy móc, thiết bị cũ có tổng trị giá là **172.935.048.643** đồng.

- **Phan Minh T31**: Theo chỉ đạo của Hoàng Duy T23, T31 là người liên hệ, thực hiện các thủ tục nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C5 khu vực I, Thành phố Hồ Chí Minh để nhập khẩu, thông quan các container hàng hóa là máy móc thiết bị cũ cho T23, công việc cụ thể gồm: Sau khi nhận hồ sơ hải quan từ Nguyễn Bảo C4, T31 liên hệ và thuê Huỳnh Thị Thu T34 (là nhân viên Công ty TNHH H15) truyền dữ liệu mở tờ khai hải quan nhập khẩu trên hệ thống phần mềm của T47 với chi phí là 220.000 đồng/tờ khai hải quan. Sau khi T34 truyền dữ liệu xong sẽ gửi lại cho T31, T31 mang hồ sơ nhập khẩu container hàng cùng với tờ khai hải quan nhập khẩu đến nộp tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C5 khu vực I, đóng thuế nhập khẩu. Sau đó, T31 liên hệ với cán bộ hải quan kiểm hóa để đóng dấu, lấy seal hải quan; liên hệ, thuê các công nhân cắt seal để cắt/niêm seal hải quan (việc này sau này có Nguyễn Thanh B2, Trần Hoàng L5 được giao thực hiện); khi các container hàng được cho phép lấy ra khỏi cảng thì T31 liên hệ các nhà xe để vận chuyển các container hàng giao cho các chủ hàng (sau này do Nguyễn Trung T32 thực hiện)… . Ngày 24/5/2021, T31 đã nộp 07 bộ hồ sơ hải quan để làm thủ tục nhập khẩu cho 07 container hàng hóa và cũng đã liên hệ với cán bộ hải quan kiểm hóa để đóng dấu và lấy 07 seal hải quan. T31 đưa cho B2 02 Phiếu cắt seal, 02 seal hải quan, đưa cho L5 06 bộ hồ sơ hải quan, 05 seal hải quan để tìm thuê công nhân cắt/niêm seal, nhưng không thực hiện được vì bị kiểm tra, phát hiện quả tang xử lý. Trong quá trình làm việc cho Hoàng Duy T23, Phan Minh T31 biết các công ty của T23 thành lập không có xưởng sản xuất, không có hoạt động kinh doanh, tất cả hàng hóa sau khi nhập về Việt Nam sẽ được giao lại cho các chủ hàng.

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 12/2019 cho đến khi bị phát hiện, Phan Minh T31 đã có hành vi giúp sức cho Hoàng Duy T23 nhập lậu **1.147** container hàng hóa có tổng trị giá là **187.568.572.364** đồng. Phan Minh T31 được Hoàng Duy T23, trả tiền công khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

- **Nguyễn Bảo C4**: Theo chỉ đạo của Hoàng Duy T23, C4 đã thực hiện các công việc gồm: là liên hệ, đăng ký giám định hàng hóa tại Công ty Cổ phần G2

(việc này sau này do Trần Hoàng L5 thực hiện), chỉnh sửa giấy đăng ký giám định nếu có sai sót theo yêu cầu của Công ty Cổ phần G2. Ngoài ra, Nguyễn Bảo C4 còn được T23 giao trực tiếp quản lý các con dấu (dấu của công ty, dấu tên, dấu chữ ký của các Giám đốc của các công ty, dấu tên của shipper công ty ở nước ngoài) để đóng dấu lên các hồ sơ hải quan do Huỳnh Thị Quỳnh T25 lập; cập nhật thông tin các container hàng gần cập cảng về Việt Nam để T23 theo dõi; nhận lệnh giao hàng từ các hãng tàu; mua sắm văn phòng phẩm …

Liên quan đến số hàng hóa do T23 nhập lậu bị phát hiện quả tang ngày 24/5/2021, C4 đã thực hiện các công việc gồm: giao tiền và giấy thông báo nhận hàng của các hãng tàu cho Nguyễn Thanh B2, để B2 đi thanh toán phí vận chuyển hàng từ nước ngoài về Việt Nam; in và đóng dấu hồ sơ nhập khẩu cho 07 container hàng và đưa hồ sơ lại cho Phan Minh T31 để nộp cho cơ quan Hải quan; đưa hồ sơ cho Trần Hoàng L5 để đăng ký giám định với Công ty G2. Châu xác định, trong quá trình làm việc cho Hoàng Duy T23, C4 biết rõ hàng hóa T23 nhập khẩu về Việt Nam đều là thiết bị, máy móc cũ, các công ty của T23 đều không có hoạt động sản xuất kinh doanh, không có kho bãi để chứa hàng, tất cả hàng hóa nhập về là để giao cho các chủ hàng.

Trong khoảng thời gian từ khoảng tháng 12/2019 cho đến khi bị phát hiện, Nguyễn Bảo C4 đã có hành vi giúp sức cho Hoàng Duy T23 nhập lậu **1.147** container hàng hóa có tổng trị giá là **187.568.572.364** đồng (trong đó có 07 container hàng hóa bị phát hiện quả tang ngày 24/5/2021). C4 được T23 trả tiền công khoảng từ 6.000.000 – 7.000.000 đồng/tháng.

- **Nguyễn Thanh B2**: Theo chỉ đạo của Hoàng Duy T23, B2 phụ giúp Phan Minh T31, Nguyễn Bảo C4 thực hiện một số công việc gồm: nhận giấy thông báo hàng đến của các hãng tàu và tiền phí từ Nguyễn Bảo C4, liên hệ các hãng tàu để thanh toán phí vận chuyển; nhận lệnh giao hàng (EDO) từ các hãng tàu gửi đến; liên hệ, tìm, thuê các công nhân cắt seal để cắt/bấm seal hải quan cho các container hàng được nhập khẩu về Việt Nam và một số công việc khác.

Liên quan đến số hàng hóa do T23 nhập lậu bị phát hiện quả tang ngày 24/5/2021, Nguyễn Thanh B2 đã thực hiện các công việc được giao: đến nhà kiểm hóa của cảng C cùng với Trần Hoàng L5, Phan Minh T31. Phan Minh T31 giao cho B2 02 phiếu cắt seal đã đóng dấu của cơ quan Hải quan và 02 seal hải quan, khi L5 đang tìm nhân công cắt/niêm seal cho các container hàng nhập khẩu thì bị kiểm tra, phát hiện quả tang. Trong quá trình làm việc cho Hoàng Duy T23, Nguyễn Thanh B2 biết các công ty của T23 không có hoạt động sản xuất, không có nhà xưởng, không có công nhân phục vụ sản xuất, mục đích T23 thành lập các công ty là nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng về Việt Nam để giao lại cho các chủ hàng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2020 cho đến khi bị phát hiện, Nguyễn Thanh B2 đã giúp sức cho Hoàng Duy T23 nhập lậu **1.056** container hàng hóa có tổng trị giá là **172.935.048.643** đồng (trong đó có 07 container hàng hóa bị phát hiện quả tang ngày 24/5/2021). B2 được Hoàng Duy T23 trả tiền công khoảng 7.000.000 đồng/tháng.

- **Trần Hoàng L5**: Theo chỉ đạo của Hoàng Duy T23, L5 phụ giúp cho Phan Minh T31, Nguyễn Bảo C4 thực hiện một số công việc gồm: Lấy lệnh giao hàng

từ các hãng tàu; liên hệ Công ty Cổ phần G2 để nộp hồ sơ đăng ký giám định, lấy chứng thư giám định; làm thủ tục, liên hệ, tìm, thuê công nhân cắt seal để cắt/niêm seal hải quan tại cảng C và một số công việc khác.

Liên quan đến số hàng hóa do T23 nhập lậu bị phát hiện quả tang ngày 24/5/2021, Trần Hoàng L5 đã liên hệ công ty cổ phần G2 để nộp hồ sơ đăng ký giám định 07 container hàng. Sau đó, L5 đến gặp Phan Minh T31 tại cảng C cùng với Nguyễn Thanh B2 và L5 được T31 đưa cho 06 bộ hồ sơ hải quan, 05 seal hải quan; L5 và B2 đang tìm công nhân cắt seal để tiến hành cắt/niêm seal hải quan cho các container hàng thì bị kiểm tra, phát hiện. Trong quá trình làm việc cho Hoàng Duy T23, Trần Hoàng L5 biết được hàng hóa do T23 tổ chức nhập khẩu về Việt Nam chủ yếu là máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, các công ty đứng tên pháp nhân nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ trên thực tế không có hoạt động sản xuất kinh doanh, không có nhà xưởng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 02/5/2020 cho đến khi bị phát hiện, Trần Hoàng L5 đã giúp sức cho Hoàng Duy T23 nhập lậu **930** container hàng hóa có tổng trị giá là **150.373.411.075** đồng (trong đó có 07 container hàng hóa bị phát hiện quả tang ngày 24/5/2021) . L5 được Hoàng Duy T23 trả tiền công khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

- **Nguyễn Trung T32**: Theo chỉ đạo của Hoàng Duy T23, Nguyễn Trung T32 đã thực hiện các cộng việc gồm: người liên hệ với các chủ hàng của T23 để nhận thông tin hàng hóa cần nhập về Việt Nam gồm bill tàu, danh sách hàng hóa; sau đó gửi lại cho Huỳnh Thị Quỳnh T25 để soạn thảo tài liệu, văn bản, làm giả hồ sơ hải quan nhập khẩu hàng hóa; cập nhật những thông tin đã tiếp nhận được, những thông tin còn thiếu để theo dõi hoặc yêu cầu chủ hàng bổ sung; thông báo cho các chủ hàng biết các container hàng đã cập cảng về Việt Nam hay chưa, thông báo về thời gian các container hàng được lấy ra khỏi cảng. Khi các container hàng đã được làm xong thủ tục nhập khẩu, được vận chuyển ra khỏi cảng, T32 sẽ liên lạc, thông báo cho các nhà xe mã số container hàng, tên chủ hàng để vận chuyển các container từ cảng về giao cho các chủ hàng và thực hiện một số công việc khác theo chỉ đạo của Hoàng Duy T23.

Liên quan đến số hàng hóa do T23 nhập lậu bị phát hiện quả tang ngày 24/5/2021, Nguyễn Trung T32 đã nhận bill, list hàng từ các chủ hàng và đã gửi cho Huỳnh Thị Quỳnh T25 để T25 làm hồ sơ nhập khẩu. Trong quá trình làm việc cho Hoàng Duy T23, Nguyễn Trung T32 biết rõ hàng hóa do Hoàng Duy T23 nhập khẩu về Việt Nam đều là những thiết bị, máy móc đã qua sử dụng, tất cả hàng hóa nhập về là để giao cho các chủ hàng, các công ty do T23 thành lập, quản lý đều không có hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/4/2021 cho đến khi bị phát hiện, Nguyễn Trung T32 đã giúp sức cho Hoàng Duy T23 nhập lậu **104** container hàng hóa có tổng trị giá tài sản hàng hóa là **15.954.222.672** đồng; (trong đó có 07 container hàng hóa bị phát hiện quả tang ngày 24/5/2021). T32 đã được Hoàng Duy T23 trả tiền công làm việc nửa tháng 4/2021 và tiền thưởng là 7.000.000 đồng.

- **Lâm Hồng Đào**: Vào khoảng năm 2017, thông qua bạn bè, Lâm Hồng Đ4 quen biết với Hoàng Duy T23 và có quan hệ tình cảm với T23. Hoàng Duy T23 mượn CMND của Đ4 và người thân của Đ4 để làm thủ tục thành lập các công ty

phục vụ việc buôn lậu. Lâm Hồng Đ4 đồng ý cho T23 chứng minh nhân dân của Đào, của mẹ Đ4 (là Lâm Hồng Đ5), của em gái Đ4 (là Trần Ngọc C3) và của người quen Đ4 (là Nguyễn Thị Thanh T9). Lâm Hồng Đ4 ký chữ ký của Đ4 và chữ ký giả chữ ký của Lâm Hồng Đ5, Trần Ngọc C3 và Nguyễn Thị Thanh T9 để đưa cho Hoàng Duy T23 hoặc Huỳnh Thị Quỳnh T25 để làm thủ tục thành lập các công ty (đăng ký chữ kỹ số, làm con dấu chữ ký cho các công ty được thành lập). Ngoài ra, Đ4 còn đăng ký mở tài khoản tại ngân hàng A2 và đưa cho Hoàng Duy T23 sử dụng trong các giao dịch chuyển, nhận tiền chi phí nhập hàng với các chủ hàng, các nhà xe, với công ty G2; nhận và rút tiền trong tài khoản giúp T23... Lâm Hồng Đ4 được Hoàng Duy T23 cho biết việc T23 thành lập nhiều công ty nhằm mục đích là để vận chuyển bất hợp pháp, trái phép các mặt hàng máy móc cũ từ nước ngoài về Việt Nam.

Lâm Hồng Đ4 đã đứng tên đại diện 09 công ty; mượn CMND của người thân và giả chữ ký của họ để đứng tên đại diện 15 công ty, tổng cộng 24 công ty để Hoàng Duy T23 sử dụng tư cách pháp nhân các công ty nhập lậu **833** container hàng hóa có tổng trị giá là **135.488.067.443** đồng.

- Xác minh các tài khoản của các bị can, của 47 công ty của Hoàng Duy T23 thành lập tại các ngân hàng, kết quả lịch sử giao dịch có hoạt động chuyển tiền ra, vào giữa Hoàng Duy T23 với Lâm Hồng Đ4, Phan Minh T31, Huỳnh Thị Quỳnh T25, Nguyễn Bảo C4, Trần Hoàng L5 và một số đối tượng thuê T23 nhập hàng máy móc thiết bị cũ về Việt Nam (gọi là chủ hàng), có ghi nhận hoạt động chuyển tiền thanh toán quốc tế; có giao dịch thanh toán tiền chi phí giám định cho công ty giám định (tài khoản cá nhân của Nguyễn Thị H4 – Công ty Cổ phần G2), thanh toán ví vận chuyển hàng hóa cho các nhà xe,…

- Tiến hành giám định, trích xuất dữ liệu điện tử điện thoại di động bị tạm giữ của Hoàng Duy T23, Phan Minh T31, Nguyễn Trung T32, Huỳnh Thị Quỳnh T25, Nguyễn Bảo C4; 02 (hai) CPU bị tạm giữ khi khám xét khẩn cấp tại 8 H, Phường G, quận B (công ty Đ10); 01 (một) ổ cứng thu được tại phòng làm việc của Hoàng Duy T23; 01 (một) máy tính xách tay tạm giữ của Huỳnh Thị Quỳnh T25. Kết quả: Giám định, trích xuất được rất nhiều dữ liệu điện tử liên quan đến việc trao đổi, liên lạc giữa Hoàng Duy T23 với các nhân viên của T23; giữa các nhân viên của T23 với nhau; giữa T23, nhân viên của T23, các đối tượng thuê T23 nhập hàng về Việt Nam; giữa T23, nhân viên của T23 với công ty giám định, với các nhà xe vận chuyển hàng, với các đối tượng khác có liên quan,…liên quan đến việc làm hồ sơ nhập khẩu hàng hóa, việc mở đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu, việc lấy, vận chuyển các container hàng máy móc thiết bị cũ về kho, bãi, việc thanh toán chi phí trong quá trình nhập khẩu hàng máy móc thiết bị cũ về Việt Nam, việc chuyển tiền nước ngoài,…

2. Nhóm hành vi vi phạm của Đinh Văn H -Tổng Giám đốc công ty G2 **và cấp dưới gồm: Trần Xuân D4**, **Dương Mạnh L1, Mai Đức T1, Trần Đình H2, Cao Đăng M, Dương Quốc H1, Võ Hoài Đ1, Trịnh Hoàng P1, Trần Tấn L** và **Đinh Quang T2:**

Công ty Cổ phần G2 (viết tắt là Công ty G2) đăng ký kinh doanh lần đầu vào năm 2004, đã đăng ký thay đổi 09 lần; trong đó thay đổi lần thứ 8 là vào ngày 29/8/2018, người đại diện theo pháp luật là Đinh Văn H, Chủ tịch Hội đồng quản

trị; thay đổi lần thứ 9 vào ngày 11/8/2020, người đại diện theo pháp luật là Đinh Văn H12, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Đinh Văn H là Tổng Giám đốc công ty. Ngày 01/12/2018, Đinh Văn H với tư cách Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Quyết định số 02/QĐ-HĐQT bổ nhiệm Trần Xuân D4 giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc điều hành của Công ty G2 phụ trách trực tiếp hoạt động của Phòng Giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Phòng Khử trùng và xử lý mối Công trình. Ngày 10/4/2019, Đinh Văn H với tư cách Tổng Giám đốc ký Quyết định số 07/QĐ-TGĐ bổ nhiệm Dương Mạnh L1 giữ chức vụ Trưởng Phòng Giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Ngày 15/8/2019, Bộ K5 và Công nghệ có Quyết định số 2370/QĐ-BKHCN chỉ định Công ty G2 được thực hiện hoạt động giám định đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ và ngày 09/12/2020, Bộ K5 và Công nghệ cấp lại theo Quyết định số 3433/QĐ-BKHCN do Công ty G2 thay đổi địa chỉ.

Quy trình giám định hàng hóa đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo Quyết định số 18, được Công ty G2 đăng ký thực hiện với Bộ K5 và Công nghệ, cụ thể gồm:

- Tiếp nhận, thẩm xét hồ sơ đăng ký giám định gồm: Hợp đồng ngoại thương, hóa đơn thương mại, tờ khai chi tiết hàng hóa, vận đơn, tờ khai hải quan và phiếu đăng ký giám định.

- Chuẩn bị giám định và phân công Giám định viên phụ trách giám định (trước khi đi giám định, Giám định viên phải lập kế hoạch giám định).

- Triển khai thực hiện giám định tại hiện trường: Việc thực hiện giám định tại hiện trường phải được tiến hành kiểm tra 100% máy móc, thiết bị tại kho bảo quản. Nội dung giám định là tiến hành xác định tên, năm sản xuất, thông số kỹ thuật, mức độ đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường của máy móc, thiết bị cần giám định,.. Việc giám định tại hiện trường, Giám định viên phải lập biên bản giám định hiện trường, chụp ảnh bản ảnh hiện trường (gồm: hình ảnh tổng thể bên ngoài, hình ảnh các cụm kết cấu chính của máy móc, thiết bị, hình ảnh các thông tin, nhãn mác gắn với máy móc, thiết bị thể hiện các thông số kỹ thuật,…).

- Đánh giá, thẩm xét, thông báo kết luận.

- Kiểm soát hồ sơ, chứng từ, lập hồ sơ giám định, trình ký, chuyển trả kết quả. Sau khi thực hiện giám định, Công ty G2 sẽ cấp Chứng thư giám định xác định phù hợp hoặc không phù hợp theo Quyết định 18 cho đơn vị đăng ký giám định.

- Lưu trữ hồ sơ.

Để hợp thức hóa điều kiện thông quan các container hàng máy móc thiết bị cũ đã được nhập về Việt Nam theo Quyết định số 18, Hoàng Duy T23 đã liên hệ, thỏa thuận với Đinh Văn H, Trần Xuân D4 để cấp các chứng thư giám định hàng hóa nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ theo danh sách hàng hóa do T23 cung cấp theo hồ sơ mà không theo thực tế hàng hóa được kiểm tra tại hiện trường (kho hàng của chủ hàng), cụ thể như sau:

Khoảng đầu năm 2020 Hoàng Duy T23 liên lạc với Đinh Văn H cũng trao đổi về việc giám định máy móc, thiết bị cũ nhập về Việt Nam và H đã yêu cầu T23 trao đổi với Trần Xuân D4 (Phó Giám đốc). Theo chỉ đạo của H, D4 và Phạm Thị Xuân H13 (Trưởng Phòng Kế toán công ty) đã làm việc trực tiếp, thỏa thuận và thống nhất với T23 mức phí giám định là 2.800.000 – 3.000.000 đồng/container hàng, tùy theo thời điểm, sau đó D4 đã báo cáo lại sự việc cho Đinh Văn H biết. Việc thỏa thuận giữa Hoàng Duy T23 và Công ty G2 không lập hợp đồng kinh tế mà chỉ lập văn bản thỏa thuận giám định theo từng số đăng ký giám định. Theo đó, T23 sẽ thanh toán phí giám định theo bảng kê (tức gộp nhiều container được giám định rồi thanh toán một lần) hoặc thanh toán theo tháng bằng hình thức trả tiền mặt (không có hóa đơn) hoặc chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Nguyễn Thị H4 (vợ của Đinh Văn H) và số tiền này đã không được đưa vào báo cáo tài chính, báo cáo thuế của công ty G2.

Theo sự chỉ đạo, phân công của Hoàng Duy T23, Nguyễn Bảo C4 là người liên hệ với phía Công ty G2 để nộp hồ sơ, chỉnh sửa hồ sơ khi có yêu cầu, lấy các chứng thư giám định (sau này Trần Hoàng L5 là người đi nộp hồ sơ, lấy các chứng thư giám định). Khi các container hàng cập cảng C, T23 sẽ cung cấp tên, số điện thoại của chủ hàng (hoặc nhân viên làm thuê của chủ hàng) số container hàng tương ứng cho C4 để C4 ghi chú tên, số điện thoại này lên các tờ Phiếu đăng ký giám định đối với từng container hàng tương ứng trước khi nộp hồ sơ đăng ký giám định, để các cán bộ của Công ty G2 khi được phân công giám định biết và liên lạc theo số điện thoại đó.

Đối với các hồ sơ đăng ký giám định máy móc, thiết bị cũ của T23, Công ty G2 đã phân công tổng cộng 08 nhân viên (không phải giám định viên) gồm: Mai Đức T1, Trần Đình H2, Cao Đăng M, Dương Quốc H1, Võ Hoài Đ1, Trịnh Hoàng P1, Trần Tấn L, Đinh Quang T2, tiến hành quy trình giám định. Theo thỏa thuận với Hoàng Duy T23, khi các nhân viên của H đến kho, bãi để tiến hành thủ tục giám định thì hầu hết hàng hóa đã được rút ra khỏi container, hàng đã được xuống kho, không còn vỏ container tại kho, đa số hàng hóa đều bị thiếu so với phiếu đăng ký giám định hoặc không còn hàng hóa nào tại kho để giám định; có một vài lần là đang rút hàng ra khỏi container; không có trường hợp nào là container còn nguyên seal,.. nhưng theo yêu cầu của H, các nhân viên vẫn cho các chủ hàng (hoặc người có mặt tại kho hàng) ký tên vào biên bản giám định hiện trường đã soạn thảo sẵn. Sau đó, các nhân viên đều báo cáo đúng tình trạng thực tế hàng hóa tại hiện trường như trên cho Dương Mạnh L1 – Trưởng Phòng Giám định qua nhóm trò chuyện trên ứng dụng Zalo "báo cáo nhanh hiện trường". L1 đã báo cáo trực tiếp cho Đinh Văn H biết thì H chỉ đạo là phải hỗ trợ khách hàng ra chứng thư giám định theo thông tin thể hiện ở hồ sơ đăng ký, chứ không cần đúng thực tế kiểm tra. Khi Trần Xuân D4 được phân công phụ trách trực tiếp Phòng Giám định, L1 cũng đã báo cáo sự việc trên và xin ý kiến D4; Duận trao đổi lại với H thì cũng được H chỉ đạo là yêu cầu khách hàng bổ sung hồ sơ rồi cấp chứng thư giám định căn cứ theo thông tin trên hồ sơ khách hàng đăng ký, sau đó D4 đã chỉ đạo lại cho L1 tiếp tục hỗ trợ ra các chứng thư giám định theo thông tin tại hồ sơ đăng ký của khách hàng.

Theo yêu cầu của H và D4, L1 đã yêu cầu các nhân viên hoàn thiện hồ sơ

giám định theo hồ sơ đăng ký, trường hợp không có hình ảnh của máy móc, thiết bị thì sử dụng hình ảnh trên mạng internet. Vì vậy, các nhân định viên đã soạn thảo chứng thư giám định, biên bản giám định hiện trường theo giấy đăng ký giám định và tờ khai hải quan do phía Hoàng Duy T23 cung cấp trong hồ sơ đăng ký giám định; sử dụng các hình ảnh máy móc, thiết bị cũ từ mạng internet hoặc một vài hình ảnh chụp được trong quá trình đi giám định hoặc ảnh do các chủ hàng gửi để hoàn thiện bản ảnh giám định hiện trường. Toàn bộ hồ sơ giám định này sau đó đều được Ban Giám đốc công ty G2 (Đinh Văn H hoặc Trần Xuân D4) phê duyệt theo quy trình và cấp các chứng thư giám định ghi nhận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định 18 cho phía Hoàng Duy T23. Ngoài ra, trong quá trình làm việc, khi khách hàng đang cần gấp chứng thư giám định mà nhân viên được phân công lại không có ở công ty thì Dương Mạnh L1 chỉ đạo các nhân viên khác ký thay tên lên chứng thư giám định với tư cách là Giám định viên để trình Ban Giám đốc công ty duyệt ký để cấp cho khách hàng.

Trung bình khoảng 01 - 02 tuần một lần, kế toán của Công ty G2 sẽ gửi bảng kê chi phí đã cấp các chứng thư giám định cho Hoàng Duy T23 hoặc Nguyễn Bảo C4. T23 sẽ sử dụng tài khoản ngân hàng của các công ty của T23 hoặc yêu cầu Phan Minh T31, Nguyễn Bảo C4 chuyển tiền thanh toán phí giám định cho Công ty G2 qua tài khoản cá nhận của Nguyễn Thị H4 (vợ H).

Kết quả điều tra đã thống kê, đối chiếu, so sánh các tài liệu tạm giữ khi khám xét khẩn cấp tại trụ sở Công ty G2, các bộ tờ khai hải quan do Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C5 khu vực I cung cấp và dữ liệu điện tử, xác định:

- Vào ngày 21/5/2021 và 24/5/2021, Công ty G2 đã tiếp nhận 07 bộ hồ sơ đăng ký giám định cho 07 tờ khai hải quan nhập khẩu 07 container hàng nhưng chưa cấp chứng thư giám định (đối với số hàng hóa bị phát hiện quả tang ngày 24/5/2021).

- Từ tháng 9/2019 đến tháng 5/2021, Công ty G2 đã tiếp nhận tổng cộng **1.160** bộ hồ sơ đăng ký giám định của phía Hoàng Duy T23. Trong đó đã cấp **1.121** chứng thư giám định trái pháp luật, kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18, tạo điều kiện để Hoàng Duy T23 sử dụng cho **1.121** tờ khai hải quan nhập khẩu **1255** container hàng máy móc, thiết bị cũ. Như vậy Đinh Văn H và đồng phạm đã giúp sức cho hành vi buôn lậu của Hoàng Duy T23 đối với số hàng hóa là máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, có tổng trị giá hàng hóa là **207.568.342.488** đồng. Hành vi cụ thể của các bị cáo như sau:

- **Đinh Văn H,** Tổng Giám đốc – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty G2: là người đã chỉ đạo ký lập khống **1.121** chứng thư giám định, kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18 cho **1.121** tờ khai hải quan nhập khẩu **1.255** container hàng máy móc, thiết bị cũ; đã tạo điều kiện, giúp sức cho hành vi buôn lậu của Hoàng Duy T23 với tổng trị giá tài sản là **207.568.342.488** đồng, H được T23 chi tiền cấp chứng thư giám định hàng hóa nhiều lần tổng cộng số tiền **3.687.200.000** đồng (Trong đó Đinh Văn H đã trực tiếp ký duyệt **611** chứng thư giám định trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập khẩu thông quan 657 container hàng máy móc, thiết bị cũ với tổng trị giá hàng hóa là 105.787.148.819 đồng).

- **Trần Xuân D4:** Phó Tổng Giám đốc điều hành của Công ty G2: đã có hành

vi đã chỉ đạo ký lập khống hồ sơ 1.121 chứng thư giám định (không đúng thực tế), kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18 cho 1.121 tờ khai hải quan nhập khẩu 1.255 container hàng máy móc, thiết bị cũ; đã tạo điều kiện, giúp sức cho hành vi buôn lậu của Hoàng Duy T23 với tổng trị giá tài sản là **207.568.342.488** đồng (trong đó, D4 trực tiếp ký duyệt 510 chứng thư giám định trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập khẩu thông quan trót lọt 598 container hàng máy móc, thiết bị cũ với tổng trị giá hàng hóa là 101.781.193.669 đồng).

- **Dương Mạnh L1**: Trưởng Phòng Giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Công ty G2: Đã có hành vi chỉ đạo các Giám định viên lập khống biên bản giám định hiện trường, thảo chứng thư giám định không đúng với thực tế để kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18 cho **1.121** tờ khai hải quan nhập khẩu **1.255** container hàng máy móc, thiết bị cũ; tạo điều kiện, giúp sức cho hành vi buôn lậu của Hoàng Duy T23 với tổng trị giá là **207.568.342.488 đồng**. (trong đó, Dương Mạnh L1 đã ký 60 chứng thư giám định trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập khẩu thông quan trót lọt **69** container hàng máy móc, thiết bị cũ với tổng trị giá hàng hóa là 11.595.964.657 đồng).

- **Mai Đức T1, Trần Đình H2, Cao Đăng M, Dương Quốc H1, Võ Hoài Đ1, Trịnh Hoàng P1, Trần Tấn L** và **Đinh Quang T2** là các nhân viên của Công ty G2, được phân công giám định hàng hóa là máy móc, thiết bị cũ do các Công ty của Hoàng Duy T23 nhập khẩu từ nước ngoài về Việt Nam. Các bị cáo đều biết rõ thực tế hàng hóa máy móc, thiết bị cũ không đạt tiêu chuẩn nhập khẩu hoặc không còn hàng để tiến hành giám định nhưng thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên, đã ký để lập khống hồ sơ và ký các Chứng thư giám định hàng hóa trái pháp luật với tư cách là giám định viên, giúp sức cho Hoàng Duy T23 nhập khẩu trót lọt hàng hóa là máy móc, thiết bị cũ từ nước ngoài về Việt Nam, cụ thể như sau:

+ **Mai Đức T1** đã ký 115 chứng thư giám định trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập khẩu thông quan trót lọt 133 container hàng máy móc thiết bị cũ với tổng trị giá hàng hóa là 21.630.198.284 đồng.

+ **Trần Đình H2**: đã ký 152 chứng thư giám định trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập khẩu thông quan trót lọt 171 container hàng máy móc thiết bị cũ với tổng trị giá hàng hóa là 28.021.703.430 đồng.

+ **Cao Đăng M**: đã ký 249 chứng thư giám định trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập khẩu thông quan trót lọt 272 container hàng máy móc thiết bị cũ với tổng trị giá hàng hóa là 44.446.191.929 đồng.

+ **Dương Quốc H1**: đã ký 116 chứng thư giám định trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập khẩu thông quan trót lọt 121 container hàng máy móc thiết bị cũ với tổng trị giá hàng hóa là 19.185.908.297 đồng.

+ **Võ Hoài Đ1**: đã ký 223 chứng thư giám định trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập khẩu thông quan trót lọt 246 container hàng máy móc thiết bị cũ với tổng trị giá hàng hóa là 40.703.921.933 đồng.

+ **Trịnh Hoàng P1**: đã ký 26 chứng thư giám định trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập khẩu thông quan trót lọt 27 container hàng máy móc thiết bị cũ với tổng trị giá hàng hóa là 5.114.288.863 đồng.

+ **Trần Tấn L**: đã ký 33 chứng thư giám định trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập khẩu thông quan trót lọt 41 container hàng máy móc thiết bị cũ với tổng trị giá hàng hóa là 6.860.948.465 đồng.

+ **Đinh Quang T2**: đã ký 145 chứng thư giám định trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập khẩu thông quan trót lọt 173 container hàng máy móc thiết bị cũ với tổng trị giá hàng hóa là 29.631.956.518 đồng.

Kết quả giám định, trích xuất dữ liệu điện tử, kiểm tra điện thoại di động của các bị can, các đối tượng có liên quan, thu thập được nhiều dữ liệu điện tử thể hiện quá trình Hoàng Duy T23 trao đổi với Công ty G2 trong việc cấp chứng thư giám định; về việc các giám định viên báo cáo với Dương Mạnh L1 tình hình thực tế khi đi giám định các lô hàng với tình trạng như máy móc không có nhãn mác, model không đúng như khai báo, đã bán đi gần hết,…qua nhóm trò chuyện trên ứng dụng xã hội Zalo; về việc liên lạc với Nguyễn Bảo C4 – nhân viên của Hoàng Duy T23 để sửa các thông tin sai trên phiếu đăng ký giám định (như tên máy móc không khớp với tờ khai, nhà sản xuất trên giấy đăng ký và trên tờ khai hải quan không tra cứu được ở trên mạng,…),…

Kết quả xác minh các tài khoản tại ngân hàng:

Công ty G2 có tài khoản số 13510001205572 tại ngân hàng B3 và số 060005930831 tại ngân hàng S8; lịch sử sao kê 02 tài khoản này từ ngày 01/6/2019 đến ngày 02/6/2021 không có khoản tiền nào có liên quan đến Hoàng Duy T23. Nguyễn Thị H4 - vợ của Đinh Văn H, có tài khoản số 19033970839018 tại ngân hàng T48 và số E tại ngân hàng V6; lịch sử sao kê 02 tài khoản này từ ngày mở tài khoản đến tháng 6/2021 ghi nhận có nhiều giao dịch chuyển tiền thanh toán tiền phí giám định container hàng có liên quan đến Hoàng Duy T23.

Kết quả hỏi cung các bị cáo Hoàng Duy T23, Nguyễn Bảo C4, Trần Hoàng L5 đều khai nhận phù hợp với diễn biến nêu trên và phù hợp với dữ liệu điện tử thu thập được. Các bị can là chủ hàng của Hoàng Duy T23 gồm: Phạm T5, Nguyễn Đình T4, Vũ Văn T đều khai nhận ngay sau khi hàng hóa được vận chuyển về đến kho bãi thì sẽ tiến hành rút hàng hóa khỏi container hàng để bán hoặc vận chuyện hàng hóa đi nơi khác tiêu thụ. Do đó, thời điểm các Giám định viên của Công ty G2 đến kho để giám định thì không còn hàng hóa hoặc chỉ còn một vài hàng hóa chưa kịp bán.

3. Nhóm hành vi vi phạm của các bị cáo là chủ hàng và liên quan đến chủ hàng gồm, Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P, Nguyễn Đình T4, Vũ Văn T, Lê Văn T6, Phạm T5, Võ Văn Đ:

Tất cả các container hàng máy móc, thiết bị đã qua sử dụng mà Hoàng Duy T23 thông qua danh nghĩa pháp nhân các công ty do T23 thành lập, để nhập về Việt Nam đều giao lại cho các chủ hàng để mua bán kiếm lời, không sử dụng vào phục vụ sản xuất như khai báo với cơ quan chức năng. Chi phí các chủ hàng trả cho Hoàng Duy T23 là 78.000.000 đồng – 90.000.000 đồng/container hàng, tùy theo thời điểm, đã bao gồm tiền thuế, phí vận chuyển hàng, phí giám định, chi phí cho cán bộ kiểm hóa của hải quan,… Ngoài ra, trong quá trình nhập khẩu các container hàng về Việt Nam, nếu có phát sinh chi phí như lưu, sửa container hàng, "tiền bãi"... thì T23 sẽ báo riêng cho từng chủ hàng đối với từng container hàng

cụ thể.

Theo thỏa thuận giữa Hoàng Duy T23 và các chủ hàng, T23 sẽ gửi thông tin tên các công ty của T23 thành lập, mà T23 dùng để đứng tên pháp nhân nhập khẩu container hàng máy móc thiết bị cũ cho các chủ hàng; các chủ hàng tự liên hệ, tìm kiếm nguồn hàng máy móc, thiết bị cũ ở nước ngoài (Nhật Bản, Đài Loan,…) và làm hồ sơ xuất khẩu hàng. Khi các container hàng trên đường vận chuyển (theo đường biển) về Việt Nam thì các chủ hàng gửi thông tin hợp đồng thương mại (invoice) gốc, vận đơn (gọi tắt là bill tàu), danh mục hàng hóa (gọi tắt là list hàng) gốc của container hàng máy móc thiết bị cũ cần nhập vào Việt Nam cho Hoàng Duy T23 để T23 chỉ đạo các nhân viên của T23 (theo công việc đã phân công cụ thể cho từng nhân viên như nội dung nêu trên) để làm hồ sơ, thủ tục nhập khẩu cotainer hàng đó tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C5 khu vực I, TP . (gọi tắt là cảng C), khai báo gian dối mục đích nhập khẩu là phục vụ sản xuất cho chính công ty đứng tên nhập khẩu.

Sau khi các nhân viên của T23 làm xong các thủ tục nhập khẩu hàng hóa và các container hàng được lấy ra khỏi cảng C, T23 sẽ liên lạc với Đỗ Ngọc L6 và cung cấp số điện thoại của các chủ hàng (hoặc người làm thuê cho các chủ hàng) theo từng container hàng tương ứng để L6 điều phối nhà xe T35 hoặc nhà xe Hiếu H14 vận chuyển các container hàng máy móc thiết bị cũ về kho, bãi giao cho chủ hàng; riêng đối với các container hàng vận chuyển ra phía Bắc thì Hoàng Duy T23 thuê và liên hệ trực tiếp với nhà xe X1 để vận chuyển. Mặt khác, khi các container hàng cập cảng C, Hoàng Duy T23 cũng cung cấp tên, số điện thoại của chủ hàng (hoặc người làm thuê của chủ hàng) cho Nguyễn Bảo C4 (nhân viên của T23) để Châu ghi chú tên, số điện thoại này lên các tờ Phiếu đăng ký giám định đối với từng container hàng tương ứng, để các Giám định viên của Công ty G2 biết và liên lạc theo số điện thoại đó để hỏi địa điểm kho chứa container hàng, hẹn thời gian đến kiểm tra hàng hóa thực hiện việc giám định (như nội dung cụ thể đã nêu trên). Việc trao đổi, liên lạc qua lại về việc nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ về Việt Nam giữa Hoàng Duy T23 với nhân viên của T23 và các chủ hàng được thực hiện thông qua điện thoại di động và qua ứng dụng xã hội Viber theo số điện thoại của chủ hàng.

Sau mỗi lần nhập container hàng vào Việt Nam và giao về kho thành công, các chủ hàng thanh toán tiền (chi phí nhập hàng, chi phí phát sinh nếu có) cho Hoàng Duy T23 theo thỏa thuận tùy vào thời điểm, hình thức thanh toán chủ yếu là chuyển khoản vào tài khoản của các công ty của T23 hoặc tài khoản của Lâm Hồng Đ4, Phan Minh T31. Ngoài ra, các chủ hàng cần thanh toán tiền hàng bên nước ngoài thì các chủ hàng sẽ chuyển số tiền cần thanh toán (cả tiền phí) đã được quy đổi sang tiền Việt theo tỷ giá, vào tài khoản các Công ty của T23, gửi thông tin người nhận cho T23 và từ đó, T23 sẽ chỉ đạo Huỳnh Thị Quỳnh T25 cũng thông qua các công ty của T23 để làm thủ tục thanh toán quốc tế, số tiền thanh toán trung bình khoảng 200.000.000 đồng – 500.000.000 đồng.

Vào ngày 24/5/2021 Hoàng Duy T23 đã chỉ đạo nhân viên mở tờ khai, làm thủ tục nhập khẩu thông quan 07 container hàng là của các chủ hàng gồm: Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P, Phạm T5, Nguyễn Đình T4, Lê Văn T6, Vũ Văn T. Ngoài ra, kết quả điều tra còn xác định Hoàng Duy T23 đã làm thủ thục nhập lậu

hàng hóa là máy móc, thiết bị cũ cho các chủ hàng nhiều lần trước đó. Cụ thể như sau:

- **Nguyễn Mạnh T3**: là chủ Công ty TNHH T49, địa chỉ tại ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, chuyên hoạt động mua bán hàng hóa là máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, nhưng từ đầu năm 2021 thì công ty đã giải thể, không hoạt động kinh doanh nữa.

Vào khoảng năm 2019, thông qua mối quan hệ xã hội, Hoàng Duy T23 quen biết với Nguyễn Mạnh T3 vì T3 có kho hàng tại Long An nên T23 gọi và đặt tên trong máy điện thoại là "Toàn L" để phân biệt với các chủ hàng khác. Sau thời gian quen biết, T3 đã trao đổi, thỏa thuận với T23 để nhờ T23 nhập khẩu hàng hóa là máy móc, thiết bị cũ về Việt Nam giao về kho tại Long An cho T3 để T3 giao lại cho chủ hàng tiêu thụ kiếm lời. Hai bên thống nhất chi phí Nguyễn Mạnh T3 phải trả cho Hoàng Duy T23 là 80.000.000 đồng – 90.000.000 đồng/container hàng, tùy theo thời điểm. Quá trình trao đổi, liên lạc, thanh toán chi phí trong quá trình nhập khẩu các container hàng máy móc, thiết bị cũ giữa Hoàng Duy T23, nhân viên của T23 và Nguyễn Mạnh T3 đều được thực hiện theo cách thức chung như đã nêu trên; T3 sử dụng điện thoại số 0903.976.777 và tài khoản ngân hàng số 752909 tại ngân hàng A2 để trao đổi, liên lạc và thanh toán tiền chi phí nhập hàng cho T23. Ngoài ra, T3 còn sử dụng số tài khoản của Nguyễn Thị Cẩm T36 để thanh toán tiền cho T23.

Vào ngày 20/5/2021, Nguyễn Mạnh T3 gửi thông tin invoice, bill tàu, list hàng của container hàng WHSU5322428 cho Hoàng Duy T23 và nhân viên của T23; theo đó, nhân viên của T23 đã làm hồ sơ nhập khẩu container hàng này về Việt Nam. Ngày 24/5/2021, Hoàng Duy T23 chỉ đạo nhân viên làm thủ tục mở tờ khai hải quan để nhập khẩu container hàng trên tại cảng C và dự định sau khi xong các thủ tục, đến buổi chiều cùng ngày 24/5/2021 sẽ lấy container hàng này ra khỏi cảng để giao về kho cho T3, tuy nhiên không thực hiện được do bị cơ quan chức năng kiểm tra, phát hiện. Đối với container hàng trên, T23 thỏa thuận với T3 chi phí nhập hàng là 90.000.000 đồng, nhưng T3 chưa thanh toán tiền cho T23 vì container hàng đã bị tạm giữ, không giao được về kho cho T3.

Kết quả định giá trị giá hàng hóa có trong container hàng: Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự cấp Thành phố có Kết luận định giá tài sản số 4589/KL-HĐĐGTS, kết luận trị giá hàng hóa có trong container hàng số WHSU5322428 theo giá trên thị trường tại thời điểm 24/5/2021 là: 295.856.667 đồng.

Kết quả điều tra đã tổng hợp, so sánh, đối chiếu dữ liệu điện tử, sao kê tài khoản ngân hàng và tài liệu khác bị tạm giữ, xác định: Ngoài container hàng WHSU5322428 bị tạm giữ vào ngày 24/5/2021 như trên, từ tháng 8/2020 đến trước ngày 24/5/2021, Hoàng Duy T23 đã nhập khẩu trót lọt cho Nguyễn Mạnh T3 12 container hàng máy móc, thiết bị cũ, với tổng trị giá tài sản là 1.798.989.037 đồng.

- **Nguyễn Thị Mai P**: là chị của Nguyễn Mạnh T3, P có bãi đất tại địa chỉ H Quốc lộ A, phường B, quận B dùng để mua bán nhỏ lẻ các loại máy móc cũ như mô tơ điện, máy cắt, máy khoan… Vào khoảng năm 2020, thông qua Nguyễn Mạnh T3, Hoàng Duy T23 quen biết với Nguyễn Thị Mai P, qua đó, P đã trao đổi,

thỏa thuận với T23 để nhập khẩu các container hàng máy móc, thiết bị cũ về Việt Nam giao về kho tại địa chỉ trên cho P để P giao cho chủ hàng; chi phí Nguyễn Thị Mai P phải trả cho Hoàng Duy T23 cũng là 80.000.000 đồng – 90.000.000 đồng/container hàng tùy theo thời điểm. P sử dụng điện thoại số 0908854979 và tài khoản ngân hàng số 7449159 tại ngân hàng A2 để trao đổi, liên lạc và thanh toán tiền chi phí nhập hàng cho Hoàng Duy T23. Ngoài ra, Nguyễn Thị Mai P còn sử dụng số tài khoản của Nguyễn Thị Cẩm T36 để thanh toán tiền cho T23.

Vào ngày 15/5/2021, Nguyễn Thị Mai P gửi thông tin invoice, bill tàu, list hàng của container hàng WHLU5817627 cho Hoàng Duy T23 và nhân viên của T23; theo đó, nhân viên của T23 đã làm hồ sơ nhập khẩu container hàng này về Việt Nam. Ngày 24/5/2021, T23 chỉ đạo nhân viên làm thủ tục mở tờ khai hải quan để nhập khẩu container hàng này tại cảng C và dự định sau khi xong các thủ tục, đến buổi chiều cùng ngày 24/5/2021 sẽ lấy container hàng ra khỏi cảng để giao về kho cho Nguyễn Thị Mai P, tuy nhiên không thực hiện được do bị cơ quan chức năng kiểm tra, phát hiện.

Kết quả định giá trị giá hàng hóa có trong container hàng: Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự cấp Thành phố có Kết luận định giá tài sản số 4601/KL-HĐĐGTS, kết luận trị giá hàng hóa có trong container hàng số WHLU5817627 theo giá trên thị trường tại thời điểm 24/5/2021 là: 1.521.865.333 đồng, làm tròn là: 1.521.865.000 đồng.

Tại phiên tòa, Nguyễn Thị Mai P khai nhận chỉ làm trung gian giữa Hoàng Duy T23 với các chủ hàng để hưởng tiền phí nhập hàng. Nguyễn Thị Mai P thừa nhận có sử dụng số điện thoại 0908854979, có sử dụng ứng dụng mạng xã hội nhưng không biết là Z hay V4 để liên lạc với Hoàng Duy T23. P giúp T23 bằng cách nếu chủ hàng liên lạc gửi qua điện thoại của P các ảnh chụp thông tin giấy tờ, hàng hóa máy móc thì P gửi lại qua điện thoại cho T23. Đối với container hàng WHLU5817627 được nhập vào ngày 24/5/2021, Nguyễn Thị Mai P chỉ thừa nhận là có liên lạc với Hoàng Duy T23 nhập khẩu hàng cho chủ hàng để hưởng tiền chênh lệch thì bị phát hiện quả tang như trên.

Căn cứ vào kết quả giám định, trích xuất dữ liệu điện tử; kết quả xác minh tại Công ty V7; kết quả xác minh, sao kê tài khoản của Lâm Hồng Đ4, tài khoản các công ty của Hoàng Duy T23, tài khoản của Nguyễn Thị Mai P, lời khai của Hoàng Duy T23 và các bị cáo khác phù hợp với lời thừa nhận của Nguyễn Thị Mai P tại phiên tòa

Kết quả giám định chữ viết, chữ ký: Phòng K6 Công an T có Kết luận giám định số 863/KLGĐ-TT ngày 15/02/2022, kết luận: Chữ viết, chữ ký họ tên "Nguyễn Thị Mai P" trên 06 biên bản giám định hiện trường trong hồ sơ giám định của công ty cổ phần G2, so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Mai P trên mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Kết quả tổng hợp, so sánh, đối chiếu dữ liệu điện tử, sao kê tài khoản ngân hàng và tài liệu khác bị tạm giữ, xác định: Ngoài container hàng WHLU5817627 bị tạm giữ vào ngày 24/5/2021 như trên, từ tháng 08/2020 đến trước ngày 24/5/2021, Hoàng Duy T23 đã nhập khẩu trót lọt cho Nguyễn Thị Mai P 13 container hàng máy móc, thiết bị cũ, với tổng trị giá tài sản là 1.963.437.939 đồng.

- **Nguyễn Đình T4**: là cháu của Nguyễn Hoành K2. Vào khoảng năm 2015, K2 có thuê một phần mặt bằng tại địa chỉ H Quốc lộ A, phường B, quận B để làm kho chứa hàng và là nơi để tập kết, tiêu thụ các hàng hóa là máy móc, thiết bị cũ đã qua sử dụng nhập từ nước ngoài về Việt Nam; do Nguyễn Hoành K2 chủ yếu sinh sống tại Nhật Bản nên K2 đã thuê T4 với mức lương là 10.000.000 đồng/tháng, không có hợp đồng lao động, để T4 giữ kho, bán hàng, thu tiền hàng giúp K2. Vào khoảng đầu năm 2020, thông qua các mối quan hệ xã hội, Nguyễn Hoành K2 quen biết với Hoàng Duy T23 và K2 đã trao đổi, thỏa thuận với T23 để nhập khẩu các container hàng máy móc, thiết bị cũ về Việt Nam để giao lại cho Nguyễn Đình T4 mua bán, tiêu thụ. Hai người thống nhất chi phí Nguyễn Hoành K2 phải trả cho Hoàng Duy T23 là 85.000.000 đồng – 92.000.000 đồng/container hàng tùy theo thời điểm. Cũng tương tự như các chủ hàng khác, nguồn hàng máy móc, thiết bị cũ tại Nhật Bản, invoice, bill tàu và list hàng là do Nguyễn Hoành K2 gửi thông tin cho Hoàng Duy T23 để làm hồ sơ, thủ tục nhập khẩu hàng hóa về Việt Nam.

Sau khi hoàn tất thủ tục nhập khẩu, các container hàng được lấy ra khỏi cảng thì phía T23 sẽ liên lạc Nguyễn Đình T4 để giao các container hàng về kho cho T4 theo địa chỉ như trên. Khi các container hàng được giao về kho thành công, Nguyễn Đình T4 sẽ thanh toán chi phí nhập hàng (kể cả các chi phí phát sinh) cho Hoàng Duy T23 theo các số tài khoản do T23 cung cấp. Các hàng hóa máy móc, thiết bị cũ nhập về được Nguyễn Đình T4 bán lại cho các khách hàng, tiền bán hàng thu về Thiều báo lại cụ thể cho Nguyễn Hoành K2 và T4 sử dụng tiền này để thanh toán tiền chi phí nhập hàng (kể cả chi phí phát sinh) cho Hoàng Duy T23, chuyển tiền thanh toán cho đối tác bên nước ngoài theo yêu cầu của Nguyễn Hoành K2 bằng cách thông qua các công ty của Hoàng Duy T23, chi trả tiền lương cho T4 và các chi phí phát sinh khác,…theo yêu cầu của Nguyễn Hoành K2.

Vào ngày 18/5/2021, Nguyễn Hoành K2 gửi thông tin bill tàu, list hàng của container hàng số BEAU5984277 cho Hoàng Duy T23 và nhân viên của T23; theo đó, nhân viên của T23 đã làm hồ sơ nhập khẩu container hàng này về Việt Nam. Ngày 24/5/2021, Hoàng Duy T23 chỉ đạo nhân viên làm thủ tục mở tờ khai hải quan để nhập khẩu container hàng này tại cảng C và dự định sau khi xong các thủ tục, đến buổi chiều cùng 24/5/2021 sẽ lấy container hàng ra khỏi cảng để giao về kho cho Nguyễn Đình T4, tuy nhiên không thực hiện được do bị cơ quan chức năng kiểm tra, phát hiện. Đối với container hàng trên, Hoàng Duy T23 thỏa thuận với Nguyễn Hoành K2 chi phí nhập hàng là 92.000.000 đồng, nhưng Nguyễn Đình T4 chưa thanh toán tiền cho T23 vì container hàng đã bị tạm giữ, không giao được về kho.

Kết quả định giá trị giá hàng hóa có trong container hàng: Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự cấp Thành phố có Kết luận định giá tài sản số Kết luận định giá tài sản số 4599/KL-HĐĐGTS, kết luận trị giá hàng hóa có trong container hàng số BEAU5984277 theo giá trên thị trường tại thời điểm 24/5/2021 là: 1.438.113.333 đồng.

Nguyễn Đình T4 thừa nhận làm thuê cho Nguyễn Hoành K2 trong việc nhập khẩu máy móc thiết bị cũ về Việt Nam như diễn biến nêu trên; thừa nhận đã sử dụng điện thoại số 0386856139 và tài khoản ngân hàng số 135352509 tại ngân

hàng A2 để trao đổi, liên lạc, thanh toán tiền chi phí (kể cả chi phí phát sinh) nhập hàng máy móc thiết bị cũ với Hoàng Duy T23 và nhân viên của T23, chuyển tiền thanh toán đối tác nước ngoài cho K2 và các chi phí khác theo yêu cầu của K2.

Kết quả điều tra đến nay chưa xác định được Nguyễn Hoành K2 hiện đang ở đâu.

Kết quả điều tra tổng hợp, so sánh, đối chiếu dữ liệu điện tử, sao kê tài khoản ngân hàng và tài liệu khác bị tạm giữ, xác định: Ngoài container hàng BEAU5984277 bị tạm giữ vào ngày 24/5/2021 như trên, từ tháng 12/2020 đến trước ngày 24/5/2021, Hoàng Duy T23 đã nhập khẩu và giao cho Nguyễn Đình T4, Nguyễn Hoành K2 20 container hàng máy móc, thiết bị cũ, với tổng trị giá tài sản là 2.956.644.755 đồng.

- **Vũ Văn T**:Vào khoảng năm 2020, Vũ Văn T có kinh doanh mua bán máy móc thiết bị cũ, T có quen biết với Phạm T5 nên thông qua Phạm T5, Vũ Văn T quen biết với Hoàng Duy T23. T đã thỏa thuận với Hoàng Duy T23 nhập hàng máy móc, thiết bị cũ về Việt Nam cho T để tiêu thụ và thống nhất chi phí T phải trả cho Hoàng Duy T23 là 82.000.000 đồng - 92.000.000 đồng/container hàng tùy theo thời điểm. Quá trình trao đổi, liên lạc, thanh toán chi phí trong quá trình nhập khẩu các container hàng máy móc, thiết bị cũ giữa Hoàng Duy T23, nhân viên của T23 và Vũ Văn T đều được thực hiện theo cách thức giống với các chủ hàng khác như đã nêu trên.

Vào ngày 14/5/2021, Vũ Văn T gửi thông tin bill tàu, list hàng của container hàng WHSU5923270 cho Hoàng Duy T23 và nhân viên của T23; theo đó, nhân viên của T23 đã làm hồ sơ nhập khẩu container hàng này về Việt Nam. Ngày 24/5/2021, Hoàng Duy T23 chỉ đạo nhân viên làm thủ tục mở tờ khai hải quan để nhập khẩu container hàng này tại cảng C và dự định sau khi xong các thủ tục, đến buổi chiều cùng 24/5/2021 sẽ lấy container hàng ra khỏi cảng để giao về kho cho Vũ Văn T, tuy nhiên không thực hiện được do bị cơ quan chức năng kiểm tra, phát hiện. Đối với container hàng trên, T chưa thanh toán tiền chi phí cho T23 vì hàng đã bị tạm giữ, không giao được về kho.

Kết quả định giá trị giá hàng hóa có trong container hàng: Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự cấp Thành phố có Kết luận định giá tài sản số 4593/KL-HĐĐGTS, kết luận trị giá hàng hóa có trong container hàng số WHSU5923270 theo giá trên thị trường tại thời điểm 24/5/2021 là: 496.235.667 đồng.

Kết quả điều tra đã tổng hợp, so sánh, đối chiếu dữ liệu điện tử, sao kê tài khoản ngân hàng và tài liệu khác bị tạm giữ, xác định: Ngoài container hàng WHSU5923270 bị tạm giữ vào ngày 24/5/2021 như trên, từ tháng 08/2020 đến trước ngày 24/5/2021, Hoàng Duy T23 đã nhập khẩu cho Vũ Văn T 17 container hàng máy móc, thiết bị cũ, với tổng trị giá tài sản là 2.557.497.269 đồng.

- **Lê Văn T6**: T6 quen biết với Hoàng Duy T23 vào khoảng năm 2017, đến cuối năm 2019, T6 được Hoàng Duy T23 nói cho biết là T23 có đang nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ từ nước ngoài về Việt Nam để giao lại cho một số người kinh doanh, mua bán. Đến cuối tháng 3/2020, một số người quen biết với Lê Văn T6 liên hệ với T6 để thỏa thuận về việc nhập khẩu máy móc thiết bị cũ về Việt Nam

nên T6 đã liên hệ với Hoàng Duy T23 để nhờ nhập hàng và T23 đồng ý. Hai bên thống nhất chi phí nhập hàng T6 phải trả cho T23 là 82.000.000 đồng - 90.000.000 đồng/container, tùy theo thời điểm và T6 chỉ được báo chi phí cho các chủ hàng của T6 với giá chênh lệch là 3.000.000 đồng/container, việc liên lạc, trao đổi, thanh toán chi phí nhập hàng do Lê Văn T6 trực tiếp trao đổi với Hoàng Duy T23.

Các chủ hàng sẽ tự tìm nguồn hàng bên nước ngoài rồi gửi invoice, bill tàu, list hàng cho T6, T6 gửi lại cho T23; khi các container hàng được nhập khẩu vào Việt Nam, T6 sẽ nhắn tin số nhà xe (do bên phía Hoàng Duy T23 cung cấp) cho các chủ hàng để các các chủ hàng tự liên hệ thông báo địa điểm giao nhận các container hàng. Các chủ hàng thanh toán chi phí nhập hàng cho Lê Văn T6, sau đó, T6 thanh toán lại cho Hoàng Duy T23 chủ yếu cũng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản các công ty của Hoàng Duy T23 hoặc tài khoản Lâm Hồng Đ4.

Liên quan đến số hàng hóa bị phát hiện qua tang, ngày 20/5/2021 Lê Văn T6 gửi thông tin bill tàu, list hàng của container hàng WHSU5863504 cho Hoàng Duy T23, nhân viên của T23; theo đó, nhân viên của T23 đã làm hồ sơ nhập khẩu container hàng về Việt Nam. Ngày 24/5/2021, Hoàng Duy T23 chỉ đạo nhân viên làm thủ tục mở tờ khai hải quan để nhập khẩu container hàng tại cảng C và dự định sau khi xong các thủ tục, đến buổi chiều cùng 24/5/2021 sẽ lấy container hàng ra khỏi cảng giao lại cho chủ hàng của Lê Văn T6, tuy nhiên không thực hiện được do bị cơ quan chức năng kiểm tra, phát hiện.

Kết quả định giá trị giá hàng hóa có trong container hàng: Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự cấp Thành phố có Kết luận định giá tài sản số 4591/KL-HĐĐGTS, kết luận trị giá hàng hóa có trong container hàng số WHSU5863504 theo giá trên thị trường tại thời điểm 24/5/2021 là: 467.700.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Lê Văn T6 thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. T6 khai nhận đã liên lạc, trao đổi, thỏa thuận với Hoàng Duy T23 trong việc nhập khẩu các máy móc, thiết bị cũ từ nước ngoài về Việt Nam để giao lại cho các chủ hàng tiêu thụ, để hưởng tiền chênh lệch. T6 cũng thừa nhận sử dụng tài khoản 18008887 tại ngân hàng A2, số F tại ngân hàng B3 của T6 và số 14110000008418 hoặc tài khoản số 5133037 tại ngân hàng A2 của Bùi Hoàng N4 (nhân viên của Lê Văn T6) để nhận, thanh toán chi phí nhập hàng cho Hoàng Duy T23 và các chủ hàng. Lê Văn T6 cũng thừa nhận sử dụng số điện thoại 0989311797 và dùng số này đăng ký các mạng xã hội zalo, viber, line để liên lạc trao đổi qua lại với Hoàng Duy T23, nhân viên của T23 và các chủ hàng.

Ngoài ra, Lê Văn T6 còn trình bày container hàng WHSU5863504 là thông qua Hoàng Duy T23, Lê Văn T6 nhập về Việt Nam để giao lại cho chủ hàng tên là Vũ Hoàng Đ6 (chủ yếu sinh sống tại Nhật Bản, nhưng có công ty tại Việt Nam). Container hàng này chưa giao được cho Vũ Hoàng Đ6 nên Đ6 chưa thanh toán tiền chi phí nhập hàng cho T6 và vì vậy, Lê Văn T6 cũng chưa thanh toán lại tiền cho Hoàng Duy T23. Vũ Hoàng Đ6 khai do không am hiểu hết các quy định của pháp luật của Việt Nam về việc nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ nên Đ6 đã thuê Lê Văn T6 để thực hiện việc nhập khẩu hàng hóa này theo đúng quy định pháp luật của Việt Nam.

Kết quả điều tra tiến hành giám định, trích xuất dữ liệu điện tử; kết quả xác minh chủ thuê bao điện thoại; kết quả xác minh, sao kê tài khoản của Lâm Hồng Đ4, tài khoản các công ty của Hoàng Duy T23, tài khoản của Lê Văn T6, Bùi Hoàng N4; kết quả hỏi cung bị can, ghi lời khai đối với Hoàng Duy T23, Nguyễn Trung T32, Đỗ Ngọc L6 đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của Lê Văn T6 và phù hợp với diến biến nêu trên.

Kết quả tổng hợp, so sánh, đối chiếu dữ liệu điện tử, sao kê tài khoản ngân hàng và tài liệu khác bị tạm giữ, xác định: Ngoài container hàng WHSU5863504 bị tạm giữ vào ngày 24/5/2021 như trên, từ tháng 08/2020 đến trước ngày 24/5/2021, Hoàng Duy T23 đã nhập khẩu trót lọt cho Lê Văn T6 36 container hàng máy móc, thiết bị cũ giao lại cho các chủ hàng khác, với tổng trị giá tài sản là 5.413.159.550 đồng.

- **Phạm Toàn**: Vào khoảng năm 2015, Phạm T5 có mở cửa hàng M3, chuyên kinh doanh mua bán máy móc, thiết bị đã qua sử dụng và có kho hàng tại địa chỉ 5 đường L, phường B, quận B. Đến khoảng năm 2018, thông qua mối quan hệ xã hội, Phạm T5 quen biết với Hoàng Duy T23 và được biết T23 có thành lập công ty để nhập khẩu hàng hóa là máy móc, thiết bị cũ từ nước ngoài (chủ yếu là Nhật Bản, Đài Loan) về Việt Nam nên Phạm T5 và Hoàng Duy T23 cùng nhau hợp tác đưa hàng hóa là máy móc, thiết bị cũ về Việt Nam để giao cho chủ háng tiêu thụ. Hoàng Duy T23 thống nhất Phạm T5 sẽ được hưởng số tiền chênh lệch trong chi phí nhập hàng đối với các chủ hàng này là 2.000.0000 đồng - 3.000.000 đồng/container hàng. Các chủ hàng không liên lạc, trao đổi, thanh toán chi phí nhập hàng trực tiếp với Hoàng Duy T23 mà toàn bộ thông qua Phạm T5. Các chủ hàng sẽ tự tìm nguồn hàng bên nước ngoài rồi gửi invoice, bill tàu, list hàng cho Phạm T5, T5 gửi lại cho Hoàng Duy T23; các chủ hàng thanh toán chi phí nhập hàng cho Phạm T5, sau đó T5 thanh toán lại cho T23 chủ yếu cũng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản các công ty của Hoàng Duy T23 hoặc tài khoản Lâm Hồng Đ4.

Vào ngày 09/5/2021, ngày 11/5/2021 và ngày 20/5/2021, Đặng Tấn N5 (nhân viên của T5) gửi thông tin list hàng, bill tàu của các container hàng số BSIU9776435 và EISU9411511 cho Hoàng Duy T23, nhân viên của T23; theo đó, nhân viên của T23 đã làm hồ sơ nhập khẩu các container hàng này về Việt Nam. Ngày 24/5/2021, Hoàng Duy T23 chỉ đạo nhân viên làm thủ tục mở tờ khai hải quan để nhập khẩu 02 container hàng này tại cảng C và dự định sau khi xong các thủ tục, đến buổi chiều cùng ngày 24/5/2021 sẽ lấy các container hàng ra khỏi cảng để giao cho Phạm T5, tuy nhiên không thực hiện được do bị cơ quan chức năng kiểm tra, phát hiện.

Kết quả định giá trị giá hàng hóa có trong container hàng: Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự cấp Thành phố có Kết luận định giá tài sản số 4595/KL-HĐĐGTS, kết luận trị giá hàng hóa có trong container hàng số EISU9411511 theo giá trên thị trường tại thời điểm 24/5/2021 là: 762.000.000 đồng; có Kết luận định giá tài sản số 4597/ KL-HĐĐGTS, kết luận trị giá hàng hóa có trong container hàng số BSIU9776435 theo giá trên thị trường tại thời điểm 24/5/2021 là: 1.211.800.000 đồng. Tổng cộng 02 container hàng có trị giá là 1.973.800.000 đồng.

Ngoài ra, Phạm T5 còn trình bày 02 container hàng nêu trên được Phạm Toàn N6 về Việt Nam là để giao lại cho Nguyễn Ngọc Đ7, Nguyễn Ngọc T37 (ở Vĩnh Phúc). Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc Đ7 và Nguyễn Ngọc T37 phủ nhận lời khai của T5. Đ7, T37 cho rằng chỉ có mối quan hệ mua bán máy móc, thiết bị cũ với Phạm T5, không thỏa thuận nhập hàng máy móc, thiết bị cũ về Việt Nam với Phạm T5 và Hoàng Duy T23.

Kết quả giám định, trích xuất dữ liệu điện tử; kết quả xác minh chủ thuê bao điện thoại; kết quả xác minh, sao kê tài khoản của Lâm Hồng Đ4, tài khoản các công ty của Hoàng Duy T23, tài khoản của Phạm T5, Đặng Tấn N5; kết quả hỏi cung bị can, ghi lời khai đối với Hoàng Duy T23, Nguyễn Trung T32, Đỗ Ngọc L6, Đặng Tấn N5 đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của Phạm T5 và phù hợp với diến biến nêu trên.

- **Võ Văn Đ**:Võ Văn Đ và Hoàng Duy T23 cùng công tác tại Đội 7 thuộc Phòng C20. Vào khoảng tháng 02/2021, Đ gặp T23 nói là Đ có người bạn có nhu cầu cần nhập khẩu các container hàng máy móc cũ từ nước ngoài vào Việt Nam. T23 đồng ý nhận nhập khẩu các container hàng từ nước ngoài về Việt Nam cho Đ với chi phí là 90.000.000 đồng/container hàng (đã bao gồm chi phí vận chuyển). Hoàng Duy T23 trực tiếp nhận thông tin bill tàu, list hàng của container hàng máy móc thiết bị cũ từ Võ Văn Đ mà không thông qua nhân viên của T23, sau đó T23 chỉ đạo các nhân viên của T23 làm hồ sơ, thủ tục nhập khẩu các cotainer hàng đó tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C5 khu vực I tương tự như các chủ hàng khác nêu trên. Quá trình trao đổi, liên lạc trong quá trình nhập khẩu các container hàng máy móc, thiết bị cũ giữa Hoàng Duy T23 và Võ Văn Đ được thực hiện chủ yếu qua ứng dụng Viber theo số điện thoại 0912.339.168; ngoài ra Võ Văn Đ còn cung cấp số điện thoại của K3 (chưa rõ lai lịch, nhân viên của Đ) cho Hoàng Duy T23 để T23 cung cấp cho bên nhà xe, bên giám định để họ liên hệ với K3 tiến hành giao nhận các container hàng và giám định máy móc thiết bị cũ trong các container hàng của Võ Văn Đ. Sau mỗi lần nhập container hàng vào Việt Nam và giao về kho thành công thì Võ Văn Đ gặp mặt Hoàng Duy T23 tại cơ quan hoặc tại quán cà phê và đưa chi phí nhập hàng cho T23 bằng tiền mặt, với số tiền là 90.000.000 đồng/container hàng theo như thỏa thuận.

Kết quả điều tra xác định từ khoảng tháng 02/2021 đến ngày 24/5/2021, Hoàng Duy T23 đã làm thủ tục, hồ sơ nhập khẩu và vận chuyển về kho cho Võ Văn Đ tổng cộng 06 container hàng máy móc thiết bị cũ, cụ thể:

(1) Tờ khai hải quan điện tử số 103846491821 ngày 19/02/2021 do Công ty TNHH C13 đứng tên pháp nhân, nhập khẩu container hàng mã số CBHU4263368.

(2) Tờ khai hải quan điện tử số 103873866241 ngày 05/3/2021 do Công ty TNHH C13 đứng tên pháp nhân, nhập khẩu container hàng mã số OOLU0455753.

(3) Tờ khai hải quan điện tử số 103890476432 ngày 13/3/2021 do Công ty TNHH C13 đứng tên pháp nhân, nhập khẩu container hàng mã số OOLU0894592.

(4) Tờ khai hải quan điện tử số 103922251862 ngày 29/3/2021 do Công ty TNHH C13 đứng tên pháp nhân, nhập khẩu container hàng mã số UETU2500075.

(5) Tờ khai hải quan điện tử số 103965477931 ngày 17/4/2021 do Công ty TNHH C11 đứng tên pháp nhân, nhập khẩu container hàng mã số CSNU1963474.

(6) Tờ khai hải quan điện tử số 104014109141 ngày 11/5/2021 do Công ty TNHH C11 đứng tên pháp nhân, nhập khẩu container hàng mã số OOLU0428737.

Kết quả định giá tài sản: Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự cấp Thành phố có Kết luận định giá tài sản số 3356/KL-HĐĐGTS, kết luận trị giá hàng hóa máy móc, thiết bị đã qua sử dụng tính theo tờ khai hàng hóa nhập tại từng thời điểm định giá tài sản tương ứng của 06 container hàng trên là: 924.336.067 đồng.

- Tại cơ quan điều tra, Võ Văn Đ không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, Đ phủ nhận việc có liên quan hay có thỏa thuận với T23 về việc nhập khẩu hàng hóa máy móc cũ từ nước ngoài về Việt Nam.

Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả giám định, trích xuất dữ liệu điện tử; kết quả xác minh, khám xét tại địa chỉ công ty Đ10 và Công ty G2; tài liệu hồ sơ hải quan, hồ sơ giám định thu thập được; kết quả xác minh xác định địa điểm của Mai Đức T1 và Trần Đình H2 (Giám định viên thuộc Công ty G2), Trần Tấn Q2 (tài xế của nhà xe H16); kết quả hỏi cung, kết quả ghi lời khai đối với bị can Nguyễn Trung T32, Nguyễn Bảo C4, Mai Đức T1, Đỗ Ngọc L6 và kết quả kiểm tra điện thoại của T1, đều phù hợp nhau và phù hợp với diễn biến như trên, xác định được: Võ Văn Đ đã thỏa thuận với Hoàng Duy T23 để nhập lậu 06 container hàng máy móc thiết bị cũ (như đã nêu trên) về Việt Nam.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Duy T23 giao nộp, cung cấp tài liệu chứng cứ, dữ liệu điện tử liên quan đến hành vi phạm tội của mình và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như diễn biến cụ thể nêu trên.

3. Tang tài vật hiện đang thu giữ :

- Toàn bộ vật chứng theo Lệnh nhập kho vật chứng số 481-36 ngày 12/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H.

- Tất cả hàng hóa có trong 07 container hàng bị tạm giữ: Cơ quan CSĐT Công an Thành phố đã có văn bản đề nghị Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng C5 khu vực I, TP . bảo quản, quản lý cho đến khi vụ án được xét xử.

4. **Việc kê biên, phong tỏa, tạm giữ tài sản của các bị cáo và người có quyền lợi liên quan*:***

- Đối với Hoàng Duy T23:

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 481-69 ngày 09/6/2021: Phong tỏa tài khoản số 14710000037575 với số dư 37.163.814 đồng tại ngân hàng B3

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 481-69 ngày 14/6/2021: Phong tỏa tài khoản số 236899497 với số dư 304.612 đồng tại ngân hàng V8.

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 481-69A ngày 17/8/2021: Phong tỏa tài khoản số 236925207 với số dư 1.000.000.000 đồng tại ngân hàng V8.

+ Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 481-17 ngày 14/6/2021: Tạm giữ 01 (một) xe ô tô hiệu Honda CRV biển số 51H-587.41, số máy: L15 BG 2222452, số khung: MRHRW1870KP087872.

+ Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 481-17 ngày 05/7/2021: Tạm giữ số tiền 210.500.000 đồng do Công ty TNHH Ô giao nộp. Kết quả điều tra xác định: Số tiền này Hoàng Duy T23 dùng để đặt cọc mua 01 (một) xe ôtô Lexus với Công

ty TNHH Ô theo Hợp đồng đặt mua xe ô tô số 0369/HDKT/2021/RX350L ngày 27/4/2021.

+ Lệnh kê biên tài sản số 632-08 ngày 20/12/2021: Kê biên thửa đất số 182, tờ tờ bản đồ số 129(BĐĐĐ), diện tích 139,4m^2 tại xã P, Huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả điều tra xác định: Hoàng Duy T23 đã mua lại thửa đất này từ bà Nguyễn Thị Hồng N7, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 20/5/2021.

+ Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra thu thập được tài liệu, dữ liệu thể hiện thửa đất số 352 và số 355 tờ bản đồ số 11, phường T, Q . B được Sở T50 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT7219 và số CT72182 ngày 02/4/2018 cho Công ty TNHH S9, có liên quan đến vụ án, xét thấy cần phải được điều tra làm rõ nên Cơ quan CSĐT Công an Thành phố đã có văn bản số 10123/CQCSĐT-Đ2 đề nghị Trung tâm thông tin và tư vấn công chứng thuộc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, văn bản số 10125/VPCQCSĐT-Đ2 gửi Sở T50, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H, văn bản số 10124/CQCSĐT-Đ2 đề nghị Công ty TNHH S9 ngăn chặn tất cả các giao dịch liên quan đến 02 thửa đất trên.

- Đối với Phan Minh T31:

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 481-69 ngày 07/6/2021: Phong tỏa tài khoản số 258680419 với số dư 3.618.483 đồng tại ngân hàng A2.

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 481B-69 ngày 02/7/2021: Phong tỏa tài khoản số 10101078 với số dư 1.022.718 đồng tại ngân hàng A2.

- Đối với Nguyễn Bảo C4:

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 481C-69 ngày 02/7/2021: Phong tỏa tài khoản số 10424557 với số dư 99.075 đồng và tài khoản số 19943868 với số dư 375.725 đồng tại ngân hàng A2.

Tại bản cáo trạng số 573/CT-VKS-P3 ngày 15/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân Thanh phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Các bị cáo Hoàng Duy T23, Huỳnh Thị Quỳnh T25, Phan Minh T31, Nguyễn Bảo C4, Nguyễn Thanh B2, Lâm Hồng Đ4, Trần Hoàng L5, Nguyễn Trung T32, Đinh Văn H, Trần Xuân D4, Dương Mạnh L1, Mai Đức T1, Trần Đình H2, Cao Đăng M, Dương Quốc H1, Võ Hoài Đ1, Trịnh Hoàng P1, Trần Tấn L, Đinh Quang T2, Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P, Nguyễn Đình T4, Lê Văn T6, Vũ Văn T, Phạm T5 về tội "Buôn lậu" theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Bị cáo Võ Văn Đ về tội "Buôn lậu" quy định điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra cáo trạng còn xác định:

- Đối với Lê Trần Viết L4 có hành vi giúp sức cho hoạt động của Hoàng Duy T23, tuy nhiên L4 không có mặt ở địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được nên chưa xác định rõ được ý thức chủ quan, tính chất mức độ của hành vi để xử lý. Hiện Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm Lê Trần Viết L4, nếu tìm được sẽ xử lý sau.

- Đối với các đối tượng gồm Nguyễn Thanh G, Nguyễn Thị Anh T33, Đỗ Ngọc L6, Huỳnh Thị Thu T34, Cơ quan điều tra xác định chưa đủ căn cứ xem xét, xử lý với vai trò đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23 về tội "Buôn lậu" là có căn cứ.

- Đối với các đối tượng gồm: Vũ Xuân Đ8, Vũ Hoàng Đ6, Đặng Tấn N5, Nguyễn Ngọc Đ7, Nguyễn Ngọc T37, Nguyễn Hoành K2, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý theo đúng quy định pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 247/2023/HSST ngày 27/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Căn cứ điểm a, b khoản 4 Điều 188; điểm b, s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hoàng Duy T23.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Duy T23 13 (mười ba) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2021.

- Căn cứ điểm a, b khoản 4 Điều 188; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đinh Văn H.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn H 11 (mười một) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2022.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Huỳnh Thị Quỳnh T25, Phan Minh T31, Nguyễn Bảo C4, Nguyễn Thanh B2, Lâm Hồng Đ4, Trần Hoàng L5.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị Quỳnh T25 08 (tám) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2021.

Xử phạt: Bị cáo Phan Minh T31 08 (tám) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2021.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Bảo C4 08 (tám) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2021.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh B2 07 (bảy) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2021.

Xử phạt: Bị cáo Lâm Hồng Đ4 07 (bảy) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2022.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hoàng L5 07 (bảy) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày 27/01/2022.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Trung T32.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung T32 06 (sáu) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời

hạn tù tính từ ngày 27/01/2022.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Trần Xuân D4, Dương Mạnh L1.

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân D4 08 (tám) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2022.

Xử phạt: Bị cáo Dương Mạnh L1 07 (bảy) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2022.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Cao Đăng M, Võ Hoài Đ1, Đinh Quang T2, Trần Đình H2, Mai Đức T1, Dương Quốc H1, Trần Tấn L, Trịnh Hoàng P1.

Xử phạt: Bị cáo Cao Đăng M 04 (bốn) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Võ Hoài Đ1 04 (bốn) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Quang T2 03 (ba) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đình H2 03 (ba) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Mai Đức T1 03 (ba) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Dương Quốc H1 03 (ba) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Tấn L 03 (ba) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Hoàng P1 03 (ba) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Vũ Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T 07 (bảy) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Lê Văn T6, Phạm T5, Nguyễn Đình T4.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T6 số tiền 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu)

đồng về tội "Buôn lậu" sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Phạm T5 số tiền 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu) đồng về tội "Buôn lậu" sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T4 số tiền 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu) đồng về tội "Buôn lậu" sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Mạnh T3 số tiền 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu) đồng về tội "Buôn lậu" sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mai P số tiền 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu) đồng về tội "Buôn lậu" sung ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả tự do cho các bị cáo Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P, Nguyễn Đình T4, Phạm T5, nếu không bị tạm giam về tội phạm khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà là người thân của các bị cáo Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P, Nguyễn Đình T4, Phạm T5 và bị cáo Lê Văn T6 tự nguyện đồng ý dùng số tiền có trong tài khoản ngân hàng tại thời điểm xét xử để thi hành án thay cho các bị cáo tương ứng nêu trên, cụ thể:

+ Bà Vũ Thị Hồng Q1 là vợ của bị cáo Nguyễn Mạnh T3 số tiền 20.000.000 đồng theo theo biên lai số AA/0004437 ngày 24/4/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền có trong thẻ tiết kiệm có kỳ hạn của ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A2) gửi ngày 22/4/2023, số tài khoản: 395360029.

+ Ông Nguyễn Văn C là chồng của bị cáo Nguyễn Thị Mai P số tiền 20.000.000 đồng theo biên lai số AA/0004436 ngày 24/4/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền có trong thẻ tiết kiệm có kỳ hạn của ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A2) gửi ngày 22/4/2023, số tài khoản: 395367969.

+ Ông Nguyễn Đình T38 là con của bị cáo Nguyễn Đình T4 số tiền 20.000.000 đồng theo theo biên lai số AA/0004580 ngày 04/5/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền có trong sổ tiết kiệm có kỳ hạn của ngân hàng N8 (A3) theo sổ tiết kiệm số AD 00022418932 gửi ngày 24/4/2023, số tài khoản: 1903683237950.

+ Bà Đặng Thị Tuyết N3 là vợ của bị cáo Phạm T5 số tiền có trong thẻ tiết kiệm có kỳ hạn của ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A2) theo Thẻ tiết kiệm số IP 50625 gửi ngày 24/5/2023, số tài khoản: 398337019.

+ Bị cáo Lê Văn T6 số tiền có trong thẻ tiết kiệm có kỳ hạn của ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A2) gửi ngày 24/5/2023, số tài khoản: 398368429 và gửi ngày 26/5/2023, số tài khoản: 398562339.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 188; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Võ Văn Đ.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn Đ 07 (bảy) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Trong các ngày 01/6/2023 đến 06/6/2023, các bị cáo có đơn kháng cáo, cụ thể:

- Bị cáo Đinh Văn H xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Các bị cáo Võ Hoài Đ1, Dương Quốc H1, Trần Đình H2, Trần Tấn L, Cao Đăng M, Trịnh Hoàng P1, Mai Đức T1, Đinh Quang T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Các bị cáo Vũ Văn T, Võ Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và chuyển hình phạt từ tù có thời hạn sang hình phạt tiền.

* Ngày 08/6/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị, đề nghị sửa bản án theo hướng không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P, Nguyễn Đình T4, Lê Văn T6, Phạm T5. Tăng hình phạt đối với các bị cáo Vũ Văn T, Dương Mạnh L1, Cao Đăng M, Võ Hoài Đ1, Trần Đình H2, Đinh Quang T2, Dương Quốc H1, Mai Đức T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Phần xét hỏi và phần hỏi:

1.1. Bị cáo Đinh Văn H trình bày: Bị cáo đồng ý về phần tội danh, tuy nhiên mức án mà Tòa sơ thẩm tuyên là quá cao, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Kính mong HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

1.2. Bị cáo Võ Hoài Đ1 trình bày: Bị cáo đồng ý về phần tội danh, tuy nhiên mức án mà Tòa sơ thẩm tuyên là quá cao, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cấp sơ thẩm quy kết bị cáo thực hiện 223 chứng thư nhưng thực tế bị cáo chỉ thực ký 120 chứng thư. Kính mong HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

1.3. Bị cáo Dương Quốc H1 trình bày: Bị cáo đồng ý về phần tội danh, tuy nhiên mức án mà Tòa sơ thẩm tuyên là quá cao, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Kính mong HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

1.4. Bị cáo Trần Đình H2 trình bày: Bị cáo đồng ý về phần tội danh, tuy nhiên mức án mà Tòa sơ thẩm tuyên là quá cao, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Kính mong HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

1.5. Bị cáo Trần Tấn L trình bày: Bị cáo đồng ý về phần tội danh, tuy nhiên mức án mà Tòa sơ thẩm tuyên là quá cao, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Kính mong HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

1.6. Bị cáo Cao Đăng M trình bày: Bị cáo đồng ý về phần tội danh, tuy nhiên mức án mà Tòa sơ thẩm tuyên là quá cao, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Kính mong HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

1.7. Bị cáo Mai Đức T1 trình bày: Bị cáo đồng ý về phần tội danh, tuy nhiên mức án mà Tòa sơ thẩm tuyên là quá cao, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Kính mong HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

1.8. Bị cáo Đinh Quang T2 trình bày: Bị cáo đồng ý về phần tội danh, tuy nhiên mức án mà Tòa sơ thẩm tuyên là quá cao, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Kính mong HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bác kháng nghị của Viện kiểm sát.

1.9. Bị cáo Vũ Văn T trình bày: Bị cáo đồng ý về phần tội danh, tuy nhiên mức án mà Tòa sơ thẩm tuyên là quá cao, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Kính mong HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

1.10. Bị cáo Võ Văn Đ trình bày: Bị cáo đồng ý về phần tội danh, tuy nhiên mức án mà Tòa sơ thẩm tuyên là quá cao, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Kính mong HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

1.11. Bị cáo Trịnh Hoàng P1 trình bày: Bị cáo đồng ý về phần tội danh, tuy nhiên mức án mà Tòa sơ thẩm tuyên là quá cao, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Kính mong HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

1.12. Bị cáo Dương Mạnh L1 trình bày: Bị cáo đồng ý đối với bản án sơ thẩm, bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, mức án cấp sơ thẩm tuyên 07 năm là đã cao. Đề nghị HĐXX bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1.13. Bị cáo Nguyễn Mạnh T3 trình bày: Bị cáo đồng ý đối với bản án sơ thẩm, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị HĐXX bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1.14. Bị cáo Nguyễn Thị Mai P trình bày: Bị cáo đồng ý đối với bản án sơ thẩm, bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, mức án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là đã cao, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị HĐXX bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1.15. Bị cáo Nguyễn Đình T4 trình bày: Bị cáo đồng ý đối với bản án sơ thẩm, bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, mức án cấp sơ thẩm tuyên là đã cao. Đề nghị HĐXX bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1.16. Bị cáo Phạm T5 trình bày: Bị cáo đồng ý đối với bản án sơ thẩm, bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị HĐXX bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1.17. Bị cáo Lê Văn T6 trình bày: Bị cáo đồng ý đối với bản án sơ thẩm, bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị HĐXX bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Phần tranh luận:

2.1. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

2.1.1. Về việc chấp hành pháp luật của HĐXX, thư ký và những người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân hành phố Hồ Chí Minh nằm trong hạn nên cần xem xét theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát rút nội dung kháng nghị đối với bị cáo Phạm T5, đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng nghị bị cáo Phạm Toàn .

2.1.2. Về nội dung: Qua đối chiếu hồ sơ vụ án và lợi nhận tội của các bị cáo, xét thấy:

* Đối với bị cáo Đinh Văn H: Bị cáo có vai trò chính, tạo điều kiện cho bị cáo T23 để thực hiện hành vi phạm tội. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã khắc phục thêm 100 triệu đồng trên số tiền phải nộp 3 tỷ 6 là không đáng kể. Do đó đề nghị HĐXX bác kháng cáo, y án sơ thẩm.

* Đối với bị cáo Dương Mạnh L1: Giữ nguyên quan điểm kháng nghị và đề nghị chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt của bị cáo lên từ 8 – 9 năm tù.

* Đối với bị cáo Cao Đăng M: Bị cáo ký rất nhiều chứng thư trái pháp luật, là đồng phạm giúp sức tích cực, phạm tội nhiều lần nhưng bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ. Do đó đề nghị chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt của bị cáo lên từ 5-6 năm tù.

* Đối với bị cáo Võ Hoài Đ1: Giữ nguyên quan điểm kháng nghị và đề nghị chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt của bị cáo lên từ 5-6 năm tù.

* Đối với các bị cáo Trần Đình H2, Đinh Quang T2, Dương Quốc H1, Mai Đức T1, Trần Tấn L: Mức án 03 năm tù là chưa cá thể hóa đối với từng bị cáo không phù hợp. Các bị cáo phạm tội với từng số tiền khác nhau, số lượng chứng từ khác nhau. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo H2 lên từ 4-5 năm tù; bị cáo T2 từ 4-5 năm tù; bị cáo H1 từ 4-5 năm tù; bị cáo T1 từ 4-5 năm tù.

* Đối với bị cáo Võ Văn Đ: Trong vụ án, bị cáo Đ chỉ nắm vai trò thứ yếu, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã khắc phục hoàn toàn thiệt hại, nên kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt của bị cáo xuống và xử bị cáo từ 3-4 năm tù.

* Đối với bị cáo Vũ Văn T: Bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ, do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên 07 năm tù là chưa tương xứng với hành vi của bị cáo. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị và tăng hình phạt từ 8-9 năm tù.

* Đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P, Nguyễn Đinh T39, Lê Văn T6: Các bị cáo phạm vào tội "*Đặc biệt nghiêm trọng*" nhưng lại được phạt tiền là vi phạm quy định pháp luật. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị và không áp dụng hình phạt tiền và xử hình phạt tù từ 3-4 năm tù.

2.2. Luật sư Đặng Trần T7 bào chữa cho bị cáo Đinh Văn H phát biểu: Tòa

án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng hành vi của bị cáo H, vai trò giúp sức của bị cáo H rất mờ nhạt, bị cáo không gặp mặt bị cáo T23, không chủ động bàn bàn, không có ăn chia, không cấu kết chặt chẽ với bị cáo T23, bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu; đã tích cực thực hiện khắc phục hậu quả; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, ông nội của bị cáo là người có công cách mạng; nhiều lần bị cáo đã có hoạt động chăm lo cho người nghèo, và hỗ trợ phòng chống dịch covid; bị cáo còn đã tự nguyện khắc phục thêm số tiền 100.000.000đ. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo và chuyển khung hình phạt thấp hơn cho bị cáo.

2.3. Luật sư Trần Thị Hồng V2 bào chữa cho bị cáo Dương Mạnh L1 và Trần Đình H2 phát biểu:

- Đối với bị cáo Dương Mạnh L1: Xét vai trò của bị cáo L1, bị cáo chỉ nhận sự chỉ đạo của lãnh đạo, nên bị cáo chỉ là vai trò thấp hơn bị cáo T23 (bị cáo T23 bị xử 8 năm tù), nhưng Kiểm sát viên lại đề nghị xử bị cáo L1 8 – 9 năm tù là quá nghiêm khắc. Do đó, đề nghị HĐXX bác kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đối với bị cáo Trần Đình H2: Bị cáo H2 bản thân mới ra trường, do tuân theo sự chỉ đạo của lãnh đạo, bị cáo chỉ làm công ăn lương, không thu lợi bất chính gì, bị cáo còn có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã có thời gian tham gia dân quân tự vệ. Do đó, đề nghị HĐXX bác kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2.4. Luật sư Nguyễn Hồng N1 bào chữa cho bị cáo Dương Quốc H1, bị cáo Nguyễn Thị Mai P phát biểu:

- Đối với bị cáo Dương Quốc H1: Bị cáo H1 chỉ là nhân viên nhận sự chỉ đạo của cấp trên, bị cáo không có hưởng lợi gì. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo có bà cố ngoại Lạc Thị G1 được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H1

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Mai P: Bị cáo đã nộp số tiền 1 tỷ 5 mà tòa sơ thẩm đã tuyên, bị cáo có nhiều giấy khen trong việc công tác từ thiện, xã hội; bị cáo mắc nhiều bệnh nền, bị cáo còn tự nguyện nộp thêm 36.000.000đ tiền khắc phục hậu quả, nên bản án sơ thẩm tuyên là đã đủ để răn đe đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2.5. Luật sư Nguyễn Văn T18 bào chữa cho bị cáo Lê Văn T6 và bị cáo Trần Tấn L trình bày:

- Bị cáo T6: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T6 1,5 tỷ là đã phù hợp với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo T6. Nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị cáo L: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo là lao động chính

duy nhất trong gia đình đang nuôi con nhỏ đang bị tai nạn, cha ruột của bị cáo là người có công với cách mạng. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

2.6. Bị cáo Lê Văn T6 bổ sung: Bị cáo chỉ bị bắt với số tiền hơn 400 triệu, bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền phạm tội. Ngoài ra bị cáo còn tự nguyện khắc phục thêm 80.000.000đ. Đề nghị HĐXX xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm

2.7. Luật sư Hồ Hoài N2 bào chữa cho bị cáo Cao Đăng M: Bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, do đó đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha bị cáo bị bệnh tâm thần, mẹ bị cáo bênh ung thư, bị cáo có nhiều giấy khen trong quá trình học tập, bị cáo chỉ là người làm công ăn lương nên làm theo sự chỉ đạo của cấp trên. Bị cáo không có bàn bạc, không có hưởng lợi gì, bị cáo không biết ông T23 là ai, do đó việc đánh giá bị cáo là người giúp sức tích cực là không đúng. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ cho bị cáo, bác kháng nghị của VKS.

2.8. Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D bào chữa cho các bị cáo Trịnh Hoàng P1, Đinh Quang T2, Võ Hoài Đ1:

- Bị cáo P1: Bị cáo chỉ là nhân viên của công ty chỉ ký 26 chứng từ giám định, tạo điều kiện cho nhập khẩu 27 container và số tiền vi phạm hơn 5 tỷ. Bị cáo không có hưởng lợi, chỉ nghe theo sự chỉ đạo của cấp trên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo là lao động chính trong gia đình, có huân chương kháng chiến hạng 03 của ông nội,… Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo T2: Bị cáo có nhân thân tốt, gia đình bị cáo có công cách mạng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có thành tích tốt trong quá trình học tập. Do đó, đề nghị HĐXX bác kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị cáo Đ1: Bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, không hưởng lợi gì, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị HĐXX bác kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2.9. Luật sư Lưu Phương Nhật T14 bào chữa cho bị cáo Mai Đức T1: Bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu không đáng kể. Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo đã tích cực giúp cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Từ đó đề nghị HĐXX áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, t Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo T1 hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đề nghị chấp nhận kháng cáo để cho bị cáo được hưởng án treo.

2.10. Luật sư Bùi Vũ D2 bào chữa cho bị cáo Mai Đức T1 (bổ sung): Hoàn cảnh bị cáo T1 rất khó khăn: Cha bị cáo và đứa con nhỏ bị cáo mới mất; vợ bị cáo lại đang mang thai sắp sinh nở, nên cần có sự quan tâm của bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét giảm án cho bị cáo.

2.11. Luật sư Nguyễn Gia H10 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh T3: Bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền mà Tòa sơ thẩm tuyên bị cáo phải nộp lại. Ngoài ra, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ khác như: Bị cáo đã khai báo thành khẩn; bị cáo đã có cung cấp các giấy khen của địa phương về công tác xã hội của bị cáo; bị cáo còn nộp thêm số tiền 20.000.000đ để khắc phục hậu quả. Đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2Điều 51 Bộ luật hình sự và giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác kháng nghị.

2.12. Luật sư Nguyễn Thị B bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Đình T4, Vũ Văn T:

- Bị cáo T4 chỉ là người làm công ăn lương nghe theo sự chỉ đạo của chú bị cáo, gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo phải tha hương để làm ăn nuôi sống gia đình. Do đó đề nghị bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm

- Bị cáo T con thương binh, cha có công cách mạng; bị cáo phải nuôi em và cha bị chất độc màu da cam; bị cáo ăn năn hối cải, bị cáo có nhiều công việc thiện nguyện; bị cáo là lao động duy nhất trong nhà. Do đó, đề nghị HĐXX bác kháng nghị, và giảm án cho bị cáo T.

2.13. Luật sư Nguyễn Chiến T40 bảo vệ cho bị cáo Võ Văn Đ: Bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ đã cung cấp tại cấp sơ thẩm, bị cáo còn là lao động chính trong gia đình, bị cáo có thành tình xuất sắc có nhiều bằng khen của cơ quan và của Chủ tịch nước khen tặng, do đó đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt tiền thay vì phạt tù bị cáo.

2.14. Luật sư Nguyễn Hồng N1 bào chữa cho bị cáo Võ Văn Đ (bổ sung): Bị cáo Đ có 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có thêm tình tiết ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị HĐXX cho bị cáo Đ xử phạt tiền từ 300 triệu đến 1 tỷ 5. Bị cáo có bão lãnh về việc đủ điều kiện để nộp tiền.

2.15. Luật sư Cao Nhật A bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T có gửi bài bào chữa với nội dung: Viện kiểm sát kháng nghị cho rằng bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ là chưa phù hợp với thực tế vụ việc. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như sau: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục thêm số tiền 170.000.000đ; bị cáo là con của thương binh, cha bị cáo có công cách mạng; bị cáo có nhiều đóng góp tích cực cho xã hội được giấy khen của UBND xã T; bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình là các tình tiết được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị HĐXX bác kháng nghị và cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền thay vì hình phạt tù.

2.16. Các bị cáo đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến gì thêm.

2.17. Đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo giữ nguyên quan điểm về phần tranh tụng của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

3. Phần bị cáo nói lời sau cùng:

* Bị cáo Võ Hoài Đ1: Bị cáo vừa mới ra trường không thể biết đến việc này là hành vi phạm tội, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Bị cáo Đinh Văn H: Bị cáo xin được giảm án để sớm trở về gia đình.

* Bị cáo Vũ Văn T: Bị cáo hoàn cảnh khó khăn và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã làm sổ tiết kiệm 1,5 tỷ để đảm bảo cho nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng phạt tiền.

* Bị cáo Phạm T5: Kính mong HĐXX giữ nguyên bản án không chấp nhận kháng nghị để bị cáo chăm sóc gia đình

* Bị cáo Võ Văn Đ: Bị cáo đã phục vụ trong ngành công an 37 năm, đã có nhiều thành tích trong thời gian công tác. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, kính mong HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án là hình phạt tiền

* Bị cáo Trần Tấn L: Gia đình bị cáo có công cách mạng; bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Mong HĐXX chấp nhận kháng cáo giảm án để bị cáo chăm sóc gia đình

* Bị cáo Lê Văn T6: Đề nghị HĐXX bác kháng nghị, y án sơ thẩm

* Bị cáo Trần Đình H2: Bị cáo đã ăn năn hối cải, bị cáo hoàn cảnh khó khăn, mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Bị cáo Đinh Quang T2: Bị cáo là sinh viên mới ra trường nên thiếu hiểu biết; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đã ăn năn hối cải; kính mong HĐXX chấp nhận kháng cáo cho bị cáo hưởng án treo để chăm sóc gia đình

* Bị cáo Dương Mạnh L1: Đề nghị HĐXX bác kháng nghị, giữ nguyên hình phạt cho bị cáo

* Bị cáo Nguyễn Thị Mai P: Đề nghị HĐXX bác kháng nghị, giữ nguyên hình phạt cho bị cáo

* Bị cáo Nguyễn Mạnh T3: Đề nghị HĐXX bác kháng nghị, giữ nguyên hình phạt cho bị cáo

* Bị cáo Mai Đức T1: Bị cáo chỉ là vai trò thứ yếu, bị cáo tha hương để vào Nam sinh sống; bị cáo tuổi đời còn trẻ nên nhận thức còn hạn chế, bị cáo đã ăn năn hối cải nên mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

* Bị cáo Trịnh Hoàng P1: Mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, chỉ vì bị cáo mới ra trường thiếu hiểu biết về pháp luật nên đã bị người khác lợi dụng. Bị cáo đã ăn năn hối cải, đề nghị HĐXX giảm án cho bị cáo.

* Bị cáo Nguyễn Đình T4: Đề nghị HĐXX bác kháng nghị, y án sơ thẩm

* Bị cáo Dương Quốc H1: Bị cáo đã ăn năn hối cải, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận thực hiện hành vi như nội dung của cáo trạng và bản án sơ thẩm đã xác định, phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Bị cáo Hoàng Duy T23 nắm bắt được các quy định của pháp luật về nhập khẩu hàng hóa nên đã lợi dụng chính sách của Nhà nước trong việc cho phép nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ ... để phục vụ sản xuất của chính doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa theo quy định tại Quyết định số 18/2019/QĐ/TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2019 đến ngày 24/5/2021, bị cáo T23 đã nhờ bị cáo Lâm Hồng Đ4 và thuê các bị cáo Huỳnh Thị Quỳnh T25, Phan Minh T31, Nguyễn Bảo C4, Nguyễn Thanh B2, Trần Hoàng L5, Nguyễn Trung T32 làm việc cho bị cáo T23 theo từng công việc tương ứng, từng thời gian cụ thể và được bị cáo T23 giao chỉ đạo trực tiếp đối với từng người. Theo đó, bị cáo T23 đã tiến hành thành lập 47 Công ty (theo từng thời điểm khác nhau) và sử dụng tư cách pháp nhân của 45/47 Công ty để lập thủ tục hồ sơ, kê khai gian dối, toàn bộ hợp đồng ngoại thương, hóa đơn, chứng từ … đối với số hàng hóa bị cáo T23 nhận được từ các chủ hàng và chỉ đạo, giao việc cho từng bị cáo nêu trên thực hiện hành vi theo từng công đoạn, tương ứng với công việc được thuê làm, tiến hành hoàn tất hồ sơ về hàng hóa nhập khẩu đủ điều kiện theo Quyết định 18, để mở 1.153 bộ tờ khai hải quan, nhập khẩu số hàng hóa là máy móc thiết bị cũ (hàng không đươc phép nhập khẩu) có tổng trị giá 217.632.496.371 đồng. Sau đó giao lại cho các chủ hàng để thu tiền phí nhập khẩu theo thỏa thuận khoảng từ 78.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng/1 container (trong đó có 07 container hàng hóa có trị giá 6.193.571.000 đồng bị phát hiện quả tang vào ngày 24/5/2021).

Đồng thời để bổ sung tài liệu bắt buộc là chứng thư giám định hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu đối với số hàng hóa nêu trên bộ hồ sơ hải quan nhập khẩu để thông quan, bị cáo T23 thỏa thuận với bị cáo Đinh Văn H (người đại diện theo pháp luật của Công Ty cổ phần G2) và bị cáo Trần Xuân D4 (cấp dưới của H) để cấp chứng thư giám định hàng hóa. Theo đó Công ty G2 căn cứ theo danh sách hàng hóa do bị cáo T23 cung cấp (trực tiếp hoặc thông qua các nhân viên), tiến hành lập hồ sơ giám định và cấp các chứng thư giám định ghi nhận hàng hóa là máy móc, thiết bị đã qua sử dụng đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định 18 cho T23 với chi phí giám định khoảng từ 2.800.000 đồng đến 3.000.000 đồng/1 container. Thực hiện thỏa thuận với bị cáo T23, bị cáo H đã chỉ đạo cấp dưới là các cán bộ, nhân viên thuộc Công Ty giám định Đại Minh V5 gồm: các bị cáo Trần Xuân D4, Dương Mạnh L1, Cao Đăng M, Võ Hoài Đ1, Đinh Quang T2, Trần Đình H2, Mai Đức T1, Dương Quốc H1, Trịnh Hoàng P1, Trần Tấn L căn cứ số liệu hàng hóa do Hoàng Duy T23 cung cấp trên hồ sơ đăng ký giám định, để tiến hành lập hồ sơ giám định hàng hóa của T23 (không đúng với quy trình giám định) để cấp cho Hoàng Duy T23 1.121 chứng thư giám định hàng hóa trái

pháp luật, có tổng trị giá hàng hóa vi phạm là 207.568.342.488 đồng và được T23 chi trả số tiền phí cấp chứng tư giám định tổng cộng 3.687.200.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định được một số các chủ hàng, người liên quan chủ hàng đã thỏa thuận thuê bị cáo T23 nhập khẩu hàng hóa là máy móc, thiết bị đã qua sử dụng (trong đó có số hàng hóa bị phát hiện quả tang vào ngày 24/5/2021) gồm: Các bị cáo Lê Văn T6, Vũ Văn T, Nguyễn Thị Mai P, Nguyễn Đình T4, Nguyễn Mạnh T3, Phạm T5 và Võ Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự cùng bị cáo T23 với vai trò đồng phạm trong vụ án.

Quá trình điều tra thể hiện cụ thể như sau:

- Bị cáo Hoàng Duy T23: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến ngày 24/5/2021, bị cáo T23 đã thuê và chỉ đạo các đồng phạm các bị cáo Huỳnh Thị Quỳnh T25, Lâm Hồng Đ4 (là nhân viên, người quen của T23) thực hiện các thủ tục thành lập 47 công ty (các công ty đều không hoạt động theo giấy phép kinh doanh) và chỉ đạo Huỳnh Thị Quỳnh T25, Phan Minh T31, Nguyễn Bảo C4, Nguyễn Thanh B2, Trần Hoàng L5, Nguyễn Trung T32 tùy theo công việc được T23 giao trực tiếp cho từng người, sử dụng tư cách pháp nhân của 45/47 công ty và tiến hành các bước lập thủ tục hoàn chỉnh hồ sơ hàng hóa nhập khẩu không đúng quy định (kê khai gian dối) để mở 1.153 bộ tờ khai hải quan tại Chi cục hải quan cửa khẩu C5 khu vực I, nhập khẩu số hàng hóa là máy móc thiết bị cũ (hàng cấm nhập khẩu) có tổng trị giá là 217.632.496.371 đồng (Trong đó số hàng hóa bị phát hiện thu giữ quả tang có tổng trị giá là 6.193.571.000 đồng vào ngày 24/5/2021). Sau đó giao lại cho các chủ hàng, người làm trung gian cho chủ hàng (đã thuê T23 làm thủ tục nhập) để tiêu thụ. Qua đó T23 đã thu lợi số tiền 5.000.000.000 đồng (theo kết luận của Viện kiểm sát và T23 thừa nhận tại phiên tòa). Như vậy, vai trò của Hoàng Duy T23 là người cầm đầu trong vụ án.

- Bị cáo Huỳnh Thị Quỳnh T25: Từ khoảng tháng 03 năm 2020 theo chỉ đạo Hoàng Duy T23, T25 đã có hành vi giúp cho Hoàng Duy T23 trong việc thành lập các Công ty để sử dụng cho hoạt động buôn lậu; trong khoảng thời gian từ tháng 03 năm 2021 đến ngày 24/5/2021, T25 đã có hành vi giúp cho T23 trong việc lập các hồ sơ hàng hóa để nhập lậu 1.063 container hàng hóa là máy móc thiết bị cũ có tổng trị giá là 179.128.619.643 đồng. T25 được T23 trả tiền công khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Vai trò của Huỳnh Thị Quỳnh T25 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Phan Minh T31: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 12 năm 2019 cho đến khi bị phát hiện**,** theo chỉ đạo của Hoàng Duy T23, Phan Minh T31 đã thực hiện việc liên hệ, thực hiện các thủ tục nhập khẩu hàng hóa tại Chi cục hải quan cửa khẩu C5 khu vực I, giúp cho T23 nhập lậu 1.154 container hàng hóa là máy móc thiết bị cũ có tổng trị giá là 193.762.141.364 đồng. T31 được T23 trả tiền công khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Vai trò của Phan Minh T31 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Nguyễn Bảo C4: Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2019 đến ngày 24/5/2021, theo chỉ đạo của Hoàng Duy T23, C4 đã có hành vi giúp sức trong việc làm hồ sơ nhập khẩu hàng hóa (in, đóng dấu, quản lý con dấu các Công

ty…), liên hệ với Công ty Cổ phần G2 làm chứng thư giám định để hợp thức hóa thủ tục hải quan nhập lậu 1.154 container hàng hóa là máy móc thiết bị cũ có tổng trị giá là 193.762.143.364 đồng. C4 được T23 trả tiền công khoảng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Vai trò của Nguyễn Bảo C4 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Nguyễn Thanh B2: Trong khoảng thời gian từ tháng 03 năm 2020 đến ngày 24/5/2021, theo chỉ đạo của Hoàng Duy T23, Nguyễn Thanh B2 đã có hành vi phụ giúp cho Phan Minh T31, Nguyễn Bảo C4 trong việc nhận giấy thông báo của chủ hàng, liên hệ chủ tàu để thanh toán phí vận chuyển, liên hệ thuê các công nhân cắt seal/bấm seal hải quan … giúp T23 nhập khẩu 1.056 container hàng hóa có tổng trị giá là 179.128.619.643 đồng. B2 được T23 trả tiền công khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Vai trò của Nguyễn Thanh B2 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Trần Hoàng L5: Trong khoảng thời gian từ tháng 05 năm 2020 đến ngày 24/5/2021, theo chỉ đạo của Hoàng Duy T23, L5 đã phụ giúp Phan Minh T31, Nguyễn Bảo C4 trong việc lấy lệnh giao hàng, liên hệ với Công ty Cổ phần G2 để làm chứng thư giám định, liên hệ thuê các công nhân cắt seal/bấm seal hải quan … đã giúp cho T23 nhập lậu 930 container hàng hóa có tổng trị giá là 156.566.982.075 đồng. L5 được T23 trả tiền công khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Vai trò của Trần Hoàng L5 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Nguyễn Trung T32: Trong khoảng thời gian từ ngày 20 tháng 4 năm 2021 đến ngày 24/5/2021, theo chỉ đạo của Hoàng Duy T23, T32 đã liên lạc với chủ hàng nhận thông tin Bill tàu, danh sách hàng hóa gửi lại cho T25, cập nhật thông tin tiếp nhận để theo dõi, thông tin cho chủ hàng lấy hàng ra khỏi cảng, thông báo nhà xe vận chuyển hàng… giúp cho T23 nhập lậu 104 container hàng hóa có tổng trị giá là 22.147.793.672 đồng. T32 được T23 trả tiền công 1/2 tháng và tiền thưởng tổng cộng 7.000.000 đồng. Vai trò của Nguyễn Trung T32 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Lâm Hồng Đ4: Có quan hệ tình cảm với Hoàng Duy T23, Đ4 đã có hành vi giúp cho Hoàng Duy T23 trong việc dùng chứng minh nhân dân đứng tên thành lập 09 công ty và mượn chứng minh nhân dân của người thân, giả chữ ký của người thân đứng tên thành lập 15 Công ty, để Hoàng Duy T23 sử dụng pháp nhân các công ty này nhập lậu 833 container hàng hóa có tổng trị giá là 135.488.067.443 đồng; ngoài ra Đ4 còn giúp T23 nhận tiền thanh toán chi phí từ các chủ hàng. Vai trò của Lâm Hồng Đ4 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Đinh Văn H: Với vai trò là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần G2 đã thỏa thuận với Hoàng Duy T23 về việc cấp chứng thư giám định hàng hóa trái pháp luật. Thực hiện thỏa thuận, H đã chỉ đạo cấp dưới tiến hành không đúng các bước về giám định hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật về giám định để cấp tổng số 1.121 chứng thư giám định hàng hóa (kết luận đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18) trái pháp luật cho các Công ty của Hoàng Duy T23, tạo điều kiện giúp cho T23 trong việc nhập khẩu số hàng hóa có tổng trị giá là 207.568.342.488 đồng (Trong đó Đinh Văn H đã trực tiếp

ký duyệt 611 chứng thư có tổng trị giá hàng hóa là 105.787.148.819 đồng). Qua đó H được T23 trả tiền chi phí giám định tổng cộng là 3.687.200.000 đồng và H đã tiêu xài cho cá nhân. Vai trò của Đinh Văn H là người đứng đầu nhóm bị cáo thuộc Công ty Cổ phần G2 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Trần Xuân D4: Theo yêu cầu của Đinh Văn H, D4 đã có hành vi đã chỉ đạo cấp dưới thuộc Công ty Cổ phần G2, tiến hành lập hồ sơ để ký 1.121 chứng thư giám định (kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18) trái pháp luật. Qua đó giúp cho Hoàng Duy T23 nhập lậu số hàng hóa có tổng trị giá là 207.568.342.488 đồng (trong đó D4 trực tiếp ký duyệt 510 chứng thư giám định cho số hàng hóa có tổng trị giá là 101.781.193.669 đồng). Vai trò của Trần Xuân D4 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Dương Mạnh L1: Theo yêu cầu của Đinh Văn H, L1 đã có hành vi chỉ đạo cấp dưới thuộc Công ty Cổ phần G2, tiến hành lập biên bản giám định hiện trường, thảo chứng thư giám định hàng hóa theo số liệu trên hồ sơ do Hoàng Duy T23 cung cấp, không đúng với thực tế hàng hóa kiểm tra, để cấp chứng thư giám định (kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18) trái pháp luật, qua đó giúp cho T23 nhập lậu số hàng hóa có tổng trị giá là 207.568.342.488 đồng (trong đó L1 đã trực tiếp ký 60 chứng thư giám định cho số hàng hóa có tổng trị giá là 11.595.964.657 đồng). Vai trò của Dương Mạnh L1 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Cao Đăng M: Là nhân viên thuộc Công ty Cổ phần G2, theo chỉ đạo của cấp trên đã tham gia lập hồ sơ và ký 249 chứng thư giám định (để kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18) trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập lậu số hàng háng có tổng trị giá là 44.446.191.929 đồng. Vai trò của Cao Đăng M là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Võ Hoài Đ1: Là nhân viên thuộc Công ty Cổ phần G2, theo chỉ đạo của cấp trên đã tham gia lập hồ sơ và ký 223 chứng thư giám định (kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18) trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập lậu số hàng hóa có tổng trị giá là 40.703.921.933 đồng. Vai trò của Võ Hoài Đ1 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Đinh Quang T2: Là nhân viên thuộc Công ty Cổ phần G2, theo chỉ đạo của cấp trên đã tham gia lập hồ sơ và ký 145 chứng thư giám định (kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18) trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập lậu số hàng hóa có tổng trị giá là 29.631.956.518 đồng. Vai trò của Đinh Quang T2 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Trần Đình H2: Là nhân viên thuộc Công ty Cổ phần G2, theo chỉ đạo của cấp trên đã tham gia lập hồ sơ và ký 152 chứng thư giám định (kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18) trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập lậu số hàng hóa có tổng trị giá là 28.021.703.430 đồng. Vai trò của Trần Đình H2 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Mai Đức T1: Là nhân viên thuộc Công ty Cổ phần G2, theo chỉ đạo của cấp trên đã tham gia lập hồ sơ và ký 115 chứng thư giám định (kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18) trái pháp luật, tạo điều kiện

cho Hoàng Duy T23 nhập lậu số hàng hóa có tổng trị giá là 21.630.198.284 đồng. Vai trò của Mai Đức T1 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Dương Quốc H1: Là nhân viên thuộc Công ty Cổ phần G2, theo chỉ đạo của cấp trên đã tham gia lập hồ sơ và ký 116 chứng thư giám định (kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18) trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập lậu số hàng hóa có tổng trị giá là 19.185.908.297 đồng. Vai trò của Dương Quốc H1 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Trần Tấn L: Là nhân viên thuộc Công ty Cổ phần G2, theo chỉ đạo của cấp trên đã tham gia lập hồ sơ và ký 33 chứng thư giám định (kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18) trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập lậu số hàng hóa có tổng trị giá là 6.860.948.465 đồng. Vai trò của Trần Tấn L là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Trịnh Hoàng P1: Là nhân viên thuộc Công ty Cổ phần G2, theo chỉ đạo của cấp trên đã tham gia lập hồ sơ và ký 26 chứng thư giám định (kết luận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu theo Quyết định số 18) trái pháp luật, tạo điều kiện cho Hoàng Duy T23 nhập lậu số hàng hóa có tổng trị giá là 5.114.288.863 đồng. Vai trò của Trịnh Hoàng P1 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Vũ Văn T: Là chủ hàng, người đã trực tiếp mua hàng hóa hàng hóa là máy móc, thiết bị cũ từ nước ngoài và thỏa thuận thuê Hoàng Duy T23 lập thủ tục nhập lậu từ nước ngoài về Việt Nam, sau đó giao lại cho Vũ Văn T tiêu thụ kiếm lời, số hàng hóa vi phạm có tổng trị giá là 3.053.733.269 đồng (trong đó có số hàng hóa bị phát hiện quả tang có trị giá 496.236.000 đồng). Tại phiên tòa Vũ Văn T thừa nhận đã thu lợi số tiền tổng cộng 170.000.000 đồng. Vai trò của Vũ Văn T là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Lê Văn T6: Theo yêu cầu của chủ hàng, T6 đã thỏa thuận thuê Hoàng Duy T23 lập thủ tục nhập lậu số hàng hóa là máy móc, thiết bị cũ từ nước ngoài về Việt Nam, sau đó giao cho T6 để T6 giao lại cho chủ hàng tiêu thụ kiếm lời, số hàng hóa vi phạm có tổng trị là 5.880.859.550 đồng (trong đó có số hàng hóa bị phát hiện quả tang có trị giá 467.700.000 đồng). Tại phiên tòa Lê Văn T6 thừa nhận đã thu lợi số tiền tổng cộng 80.000.000 đồng.Vai trò của Lê Văn T6 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Nguyễn Đình T4: Là người làm thuê cho chủ hàng ở nước ngoài và theo yêu cầu của chủ hàng, T4 đã thỏa thuận thuê Hoàng Duy T23 lập thủ tục nhập lậu hàng từ nước ngoài về Việt Nam, sau đó giao lại cho T4 tiêu thụ và T4 được chủ hàng trả tiền công, số hàng hóa Thiều vi phạm có tổng trị giá là 4.394.644.755 đồng (trong đó có số hàng hóa bị phát hiện quả tang có trị giá 1.438.113.000 đồng). Vai trò của Nguyễn Đình T4 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Nguyễn Thị Mai P: Theo yêu cầu của chủ hàng, P thỏa thuận thuê Hoàng Duy T23 lập thủ tục nhập lậu hàng hóa là máy móc, thiết bị cũ từ nước ngoài về Việt Nam, sau đó giao lại cho P để giao cho chủ hàng tiệu thụ, số hàng hóa vi phạm có tổng trị giá là 3.485.302.939 đồng (trong đó có số hàng hóa bị phát hiện quả tang có trị giá 1.521.865.000 đồng). Tại phiên tòa Nguyễn Thị Mai

P thừa nhận đã thu lợi số tiền tổng cộng 56.000.000 đồng. Vai trò của Nguyễn Thị Mai P là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Nguyễn Mạnh T3: Theo yêu cầu của chủ hàng, Nguyễn Mạnh T3 đã thỏa thuận thuê Hoàng Duy T23 lập thủ tục nhập lậu hàng hóa là máy móc, thiết bị cũ từ nước ngoài về Việt Nam, sau đó giao lại cho Mạnh T3 để giao cho chủ hàng tiêu thụ kiếm lời, số hàng hóa vi phạm có tổng trị giá là 2.094.846.037 đồng (trong đó có số hàng hóa bị phát hiện quả tang có trị giá 295.857.000 đồng). Tại phiên tòa Nguyễn Mạnh T3 thừa nhận đã thu lợi số tiền tổng cộng 40.000.000 đồng.Vai trò của Nguyễn Mạnh T3 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Phạm T5: Theo yêu cầu của chủ hàng, T5 đã thỏa thuận thuê Hoàng Duy T23 lập thủ tục nhập lậu số hàng hóa là máy móc, thiết bị cũ từ nước ngoài về Việt Nam giao cho T5 để giao lại cho chủ hàng tiêu thụ kiếm lời và bị phát hiện quả tang vào ngày 24/5/2021, số hàng hóa vi phạm có tổng trị giá 1.973.800.000 đồng. Phạm Toàn xác định chưa hưởng lợi do bị phát hiện quả tang. Vai trò của Phạm T5 là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

- Bị cáo Võ Văn Đ: Đã thỏa thuận thuê Hoàng Duy T23 nhập khẩu hàng hóa là máy móc thiết bị cũ từ nước ngoài về Việt Nam giao lại cho Đ tiêu thụ kiếm lời, số hàng hóa vi phạm có tổng trị giá là 924.336.067 đồng. Vai trò của Võ Văn Đ là đồng phạm giúp sức cho Hoàng Duy T23.

Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo Hoàng Duy T23, Huỳnh Thị Quỳnh T25, Phan Minh T31, Nguyễn Bảo C4, Nguyễn Thanh B2, Lâm Hồng Đ4, Trần Hoàng L5, Nguyễn Trung T32, Đinh Văn H, Trần Xuân D4, Dương Mạnh L1, Cao Đăng M, Dương Quốc H1, Võ Hoài Đ1, Mai Đức T1, Trần Đình H2, Trịnh Hoàng P1, Trần Tấn L, Đinh Quang T2, Vũ Văn T, Lê Văn T6, Phạm T5, Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P, Nguyễn Đình T4, Võ Văn Đ về tội "Buôn lậu" là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Bản án sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (bị cáo Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P, được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51); điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt 05 bị cáo là Lê Văn T6, Phạm T5, Nguyễn Đình T4, Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P mỗi bị cáo 1.500.000.000đ.

Khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự quy định phạt tiền chỉ áp dụng cho người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng; đối với người phạm tội rất nghiêm trọng phải xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tư công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật này quy định. Các bị cáo nêu trên bị truy tố và xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự có hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm (thuộc trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng với vai trò là người thực hành tích cực). Nên cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền cho các bị cáo là không phù hợp quy định của pháp luật.

[2.2]. Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí

Minh đã phát hiện cấp sơ thẩm có sai lầm khi áp dụng hình phạt tiền cho các bị cáo Lê Văn T6, Phạm T5, Nguyễn Đình T4, Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P nên đã có quyết định kháng nghị, đề nghị phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh còn kháng nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Dương Mạnh L1, Cao Đăng M, Võ Hoài Đ1, Đinh Quang T2, Trần Đình H2, Mai Đức T1, Dương Quốc H1, Trần Tấn L, Vũ Đức T41.

Tuy vậy, tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị đối với bị cáo Phạm T5 (để bản án sơ thẩm có hiệu lực đối với tội danh, hình phạt của bị cáo T5). Các bị cáo còn lại, đề nghị chuyển từ hình phạt tiền sang hình phạt tù có thời hạn và xử phạt từ 03 đến 04 năm tù đối với các bị cáo Lê Văn T6, Nguyễn Đình T4, Nguyễn Mạnh T3, Nguyễn Thị Mai P. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Dương Mạnh L1, Cao Đăng M, Võ Hoài Đ1, Đinh Quang T2, Trần Đình H2, Mai Đức T1, Dương Quốc H1, Trần Tấn L, Vũ Đức T41. Như đã phân tích ở đoạn [2.1] đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh rút kháng nghị đối với một trong năm bị cáo có vai trò như nhau là không có căn cứ, thiếu sự công bằng trong áp dụng pháp luật. Mặt khác, do rút kháng nghị đối với bị cáo Phạm T5 nên Hội đồng xét xử không thể tuyên xử bị cáo theo hướng bất lợi cho bị cáo khi không có kháng nghị bất lợi về hình phạt.

[2.3]. Các bị cáo Huỳnh Thị Quỳnh T25, Phan Minh T31, Nguyễn Bảo C4, Nguyễn Thanh B2, Lâm Hồng Đ4, Trần Hoàng L5, Trần Xuân D4, Dương Mạnh L1, Vũ Văn T, Lê Văn T6, Phạm T5, Nguyễn Đình T4, Lê Văn T6, Phạm T5, Nguyễn Đình T4 được cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Nguyễn Trung T32, Cao Đăng M, Võ Hoài Đ1, Đinh Quang T2, Trần Đình H2, Mai Đức T1, Dương Quốc H1, Trần Tấn L, Trịnh Hoàng P1 được cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự là không phù hợp. Vì theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật này nhưng các bị cáo nêu trên chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo; các bị cáo được áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự thì không thuộc trường hợp là người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể.

[3]. Như đã phân tích tại đoạn [2.1] đến đoạn [2.3], Hội đồng xét xử thấy rằng: Bản án sơ thẩm khi quyết định hình phạt cho các bị cáo có sai làm nghiêm trọng việc áp dụng pháp luật; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã rút một phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không thể khắc phục được các sai sót nêu trên. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 2 và khoản 4 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự, huỷ án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

[4]. Do bản án bị hủy nên các bị cáo có kháng cáo không phải chịu án phí

hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 2 và khoản 4 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Đinh Văn H, Võ Hoài Đ1, Dương Quốc H1, Trần Đình H2, Trần Tấn L, Cao Đăng M, Trịnh Hoàng P1, Mai Đức T1, Đinh Quang T2, Vũ Văn T, Võ Văn Đ và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Huỷ bản án sơ thẩm số 247/2023/HSST ngày 27/5/2023 của Toà án nhân nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giao toàn bộ hồ sơ cho Toà án nhân nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý xét xử lại theo thủ tục chung.

3. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Đinh Văn H, Dương Mạnh L1, Võ Văn Đ, Hoàng Duy T23, Huỳnh Thị Quỳnh T25, Phan Minh T31, Nguyễn Thanh B2, Nguyễn Bảo C4, Lâm Hồng Đ4, Trần Hoàng L5, Nguyễn Trung T32, Trần Xuân D4 cho đến khi Toà án nhân nhân dân Thành phố H thụ lý lại hồ sơ vụ án.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Đinh Văn H, Võ Hoài Đ1, Dương Quốc H1, Trần Đình H2, Trần Tấn L, Cao Đăng M, Trịnh Hoàng P1, Mai Đức T1, Đinh Quang T2, Vũ Văn T, Võ Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị D5 – C **Vũ Đức T42**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP. Hồ Chí Minh; (18)
- VKSND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Trại tạm giam Bộ Công an; (4)
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Lưu: VP, HS (ĐTM) (6)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Toàn